

Tịnh Độ Cảnh Ngữ

Bồ Tát Bất Sô Hành Sách Triệt Lưu soạn
Chuyên ngữ: Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa
(dịch theo ấn bản của Đài Trung Liên Xã, tháng Bảy năm 1991)

1. Khuyên phát lòng tin chân thật

Pháp Niệm Phật Tam Muội xét về nguồn gốc là từ Viễn Tổ (tổ Huệ Viễn) đề xướng ở Lô Sơn, sáng khởi Liên Xã sáu thời tịnh hạnh, trở thành quy cũ cao đẹp cho muôn đời. Tuy nói là “công cao dễ tiến”, nhưng hành nhân đời mạt hiem ai thành tựu là do Tín - Nguyện chẳng chuyên nên chưa thể dẫn dắt thiện hạnh quy về Tịnh Độ. Bởi thế, tôi nay xin thưa cùng khắp các bạn lành đồng tu tịnh nhân: Nếu chẳng suy xét kỹ phát tâm thì làm sao biết được đường nẻo trọng yếu để thoát khổ?

Phàm những vị đồng nhân với tôi trong pháp hội này phải nên đầy đủ lòng tin chân thật. Nếu không có lòng tin chân thật, dù có niệm Phật, trì trai, phóng sanh, tu phước, vẫn chỉ là người lành trong thế gian, được báo sanh trong chốn lành, hưởng lạc. Trong lúc thọ lạc ắt sẽ tạo nghiệp, đã tạo nghiệp ắt phải thọ khổ. Dùng chánh nhãn xem xét, so ra hạng người ấy chỉ khác với hạng Xiển-Đề, Chiên-Đà-La một chút. Tín tâm như vậy phải đâu là chân thật?

Nói đến lòng tin chân thật thì:

- Thứ nhất là phải tin được rằng tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ không sai biệt. Ta là Phật chưa thành, Di Đà là Phật đã thành; giác tánh không hai. Ta tuy hôn mê, điên đảo, giác tánh chưa từng bị mất. Ta tuy bao kiếp luân chuyển, giác tánh chưa từng lay động. Vì thế mới nói: *“Đừng khinh kẻ chưa ngộ, khi một niệm hồi quang liền cùng đạt được cái sẵn có!”*

- Tiếp đó, phải tin được rằng ta là lý tánh Phật, danh tự Phật (1); Di Đà là cứu cánh Phật. Tánh tuy không hai, địa vị một trời một vực. Nếu chẳng chuyên niệm đức Phật ấy cầu sanh nước Ngài, ắt phải lưu chuyển theo nghiệp, thọ khổ vô lượng. Đấy gọi là Pháp Thân lưu chuyển ngũ đạo, chẳng gọi là Phật, mà gọi là chúng sanh.

- Kế đến phải tin được rằng ta tuy chương sêu nghiệp nặng, sống trong cõi khổ đã lâu, nhưng là chúng sanh trong tâm Phật Di Đà; Phật Di Đà tuy vạn đức trang nghiêm, cách xa ngoài mười vạn ức cõi, vẫn là đức Phật trong tâm ta. Tâm tánh đã là vô nhị, tự nhiên cảm ứng đạo giao; nếu ta tha thiết ắt sẽ cảm được lòng từ bi của Phật, Phật ắt sẽ ứng như nam châm hút sắt chẳng còn ngờ gì! Ấy là: *“Phật nghĩ đến chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, mẹ con đời đời chẳng xa cách nhau. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa”*.

Đầy đủ những lòng tin như trên thì là “lòng tin chân thật”. Thiện dù chỉ một mảy, phước dù nhỏ như hạt bụi đều có thể hồi hướng Tây Phương trang nghiêm Tịnh Độ. Huống hồ là trì trai, kiêm giữ giới, phóng sanh, bố thí, đọc tụng kinh Đại Thừa, cúng dường Tam Bảo... các thứ thiện hạnh chẳng đủ để chất đầy tư lương Tịnh Độ ư? Chỉ trừ kẻ do lòng tin chẳng chân thật nên bị chìm đắm trong hữu lậu.

Nay tu hành chẳng có thuật trọng yếu chi khác, chỉ cần trong mười hai thời, luôn giữ ba thứ chân tín ấy thì với hết thấy hành động chẳng cần phải thay đổi gì. Nếu toan bỏ pháp độ

thoát này, tìm lối công phu hay lạ nào khác thì tông tượng (2) các phương như trúc trong rừng, ngưỡng vọng vị nào hãy đến đó mà học đạo; cần gì phải chen chân vào liên xã này.

Nếu quả thật danh - tâm đều hết sạch, chỉ mong khéo cùng thời tiết, nhân duyên, may được thường cùng nhóm họp, nương đồng hồ sen (3), dõng theo kiểu Phật, di phong như thế xưa nay chưa dứt, hòng tạo thành đầu mối để thân cận trong đời sau, hòng làm vốn liếng để trợ phát ngay trong đời này. Xin hãy cùng nhau gắng sức!

2. Giải bày, khuyên nhủ

Xưa Chân Hiết hòa thượng nói: “*Phật Phật trao tay, tổ tổ truyền thừa, chỉ có mỗi một sự, không còn sự nào khác. Ông cụ Thích Ca trụ thế bảy mươi chín năm thuyết pháp hơn ba trăm hội, riêng đối với giáo pháp Tịnh Độ khen nói bao lượt vẫn chưa thôi, há chẳng phải là đường tắt để siêu phàm nhập thánh đó ư?*”

Nhưng pháp môn này thật dễ mà cũng thật khó. Phàm chấp trì danh hiệu, tu các phước thiện, chí tâm hồi hướng liền được vãng sanh. Nếu được vãng sanh bèn cắt ngang năm đường, nhanh chóng siêu thoát ba cõi, đạt thẳng vào Bất Thoái không phải trải qua nhiều a-tăng-kỳ kiếp, chẳng phải là giản dị ư? Nếu như sự nghiệp Sa Bà vẫn còn vương vấn, một nóng mười lạnh, tâm chẳng chuyên dốc, lúc gặp ngũ dục bèn như keo như sơn, khi gặp phải nghịch cảnh liền kết oán nuôi hận, mà muốn lúc mạng chung đức Phật đến tiếp dẫn, ắt chẳng thể được cứu, há chẳng phải là chuyện khó ư?

Xét theo đó, pháp môn Tịnh Độ là thuốc, nhưng tham ái Sa Bà là chất kỵ thuốc ấy. Chúng sanh nghiệp bệnh tuân lời uống thuốc của đấng Y Vương, vừa uống thuốc ấy xong liền ăn no ứ chất kỵ thuốc, có nên hay chẳng? Lúc mạng sắp hết, tâm đặt nặng vào đâu sẽ đọa về đó, tịnh nhân yếu nhỏ, khó thoát khổ luân, bèn đổ ngược Y Vương khiến người lầm lạc, Phật pháp chẳng linh! Xót thay! Bọn họ điên đảo đến cùng cực vậy! Sao chẳng nghĩ đến pháp xã nơi núi Khuông Lư, mười tám vị cao hiền, một trăm hai mươi ba người lưu hiện điềm lành chép đầy trong sách vở. Cổ kim nhật nguyệt, cổ kim sơn hà (2), họ đã là trợ lực, sao ta chẳng được như họ? Phải biết rằng ta chẳng được như họ chỉ vì còn chưa buông xuống được những điều mình đặt nặng đó thôi!

Phàm những bạn tăng, tục, già, trẻ đồng tu với tôi ai nấy nên đau đầu nghĩ Sa Bà hiểm ác, sớm cầu thoát khỏi sáu nẻo gặp ghèn, tiêu dao chín phẩm, lợi hại như trời với vực! Phải mạnh mẽ thức tỉnh, sanh lòng ưa - chán, bỏ ứ cầu tịnh, tin rằng chuyện “lấy - bỏ” này cùng với chuyện “chẳng lấy - bỏ” vốn chẳng khác đường, đừng chuộng hư danh, chớ chấp Không Kiến, chớ bị lầm lạc bởi những kẻ tham thiền có địa vị cao nhưng chỉ đắc tam muội nơi cửa miệng, chớ mong đạt hiệu quả nhanh chóng trong sớm tối, chớ vọng cầu ngoài tâm có Phật đến tiếp nghênh khiến cho ma sự phát khởi!

Chẳng luận là lúc ở nhà hay lúc đến tham dự liên xã, luôn lấy niệm Phật làm chánh hạnh, gắng tu các việc thiện làm trợ hạnh; lại phải quyết ý trừ khử tập khí tham - sân, khiến cho những chỗ nặng nề trở thành nhẹ nhàng, chỗ sống dần biến thành chín. Tịnh niệm tiếp nối, hạnh nguyện hỗ trợ, sẽ tự nhiên ngàn phần ổn thỏa, trăm phần thích đáng.

Trong các hạnh, phóng sanh là việc tốt lành nhất, hãy nên nghĩ kỹ: Chúng nó tuy đồng tánh với mình, dầu thuộc trong dị loại vẫn mong được cứu vớt, hưởng hồ những kẻ đồng loại với mình vì chướng sâu nghiệp nặng, chẳng bao lâu nữa sẽ phải đọa trong ác đạo, có kẻ hiện đang phải chịu khổ trong địa ngục. Nỗi khổ dữ dội trong địa ngục sánh với cái khổ vì lửa

đốt, dao xẻ trong thế gian còn hơn mười, trăm, ngàn, ức lần, nữ nào bỏ mặc, chẳng nghĩ cách cứu vớt ư?

Nhưng cách để cứu vớt họ cũng chỉ là hiện tại nhất tâm niệm Phật để mau sanh về An Dưỡng. Sau đấy, nương vào bốn nguyện, vận đại thần lực, khởi lòng Vô Duyên Từ, mở rộng lòng Bi đồng thể, phân chia thân hình trong các cõi nước mười phương, trong các nẻo ác mà tâm thanh cứu khổ như Quán Thế Âm Bồ Tát, thể khiến địa ngục trống rỗng như Địa Tạng Vương Bồ Tát, dẹp tan hết thảy khổ nhân, khổ quả của hết thảy chúng sanh, ban sự vui thế gian và xuất thế gian cho hết thảy chúng sanh, nhiếp thủ hết thảy chúng sanh khiến cùng được thân cận từ phụ Di Đà, đạt đến chỗ rốt ráo an ổn.

Chí nguyện như thế mới là bậc đại trượng phu. Nếu chẳng có được chí nguyện như thế thì chỉ là cứ đến kỳ bèn họp nhau lại tu hành qua quít, dù niệm Phật phóng sanh cũng chỉ là một cái hội tầm thường, há chẳng phải là vô phước ư? Đấy chẳng phải là điều lão nạp mong mỏi, xin các thượng thiện hữu rủ lòng xét đoán cho!

3. Khuyên nhủ, giải bày lần nữa

Tuy chư Phật, chư tổ cùng tán dương pháp môn Tịnh Độ, nhưng trong hiện tại, đối với giáo pháp cả một đời của đức Phật, các sĩ phu còn chưa buồn nhìn đến. Nếu chẳng phải là đã có linh căn từ trước, há có thể nghe đến, tin tưởng sâu sa pháp môn này ư? Nay tôi xin vì các vị lược cử một hai điểm trọng yếu trong các kinh Đại Thừa để quý vị có thể hiểu đại khái các điều khác, hồng biết pháp môn này thù thắng, dễ sanh lòng tin ư.

Chẳng hạn như kinh Hoa Nghiêm, giáo môn rộng lớn, là vua trong các kinh, tựa hồ mặt trời chói lọi giữa hư không chói lấp các ngôi sao, như núi Tu Di sừng sững giữa biển, cao vượt hơn hẳn mọi ngọn núi khác. Những thế giới được nói trong kinh cũng chẳng phải là “hàng hà sa số” mà là “bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số”. Phổ Hiền Bồ Tát dùng trí thông lực, nhìn thấu suốt vô biên hương thủy hải, vô biên cõi nước như nhìn trái cây đặt trong lòng bàn tay. Từ gần đến xa, với mỗi một phương ngài đều chỉ rõ danh hiệu, tướng trạng của từng cõi nước.

Thế giới Cực Lạc nằm trong sát độ của đức Tỳ Lô Giá Na. Sát độ này gồm hai mươi tầng, trên rộng dưới hẹp, hình dạng như cái tháp lật ngược. Sa Bà và Cực Lạc cùng thuộc tầng thứ mười ba. Trong tầng này có mười ba Phật sát vi trần số thế giới san sát. Thế giới Cực Lạc chỉ là một trong các thế giới ấy. Để hình dung các thế giới trong sát độ của đức Tỳ Lô Giá Na nhiều như thế nào, trong một trăm năm hãy lấy hết gạo trong Thiệm Bộ Châu dồn thành một đồng, thì mỗi một thế giới giống như một hạt gạo trong đồng gạo ấy! Huống hồ là nhìn đến bao nhiêu thế giới trong vô biên sát chúng (5) ở ngoài sát độ của đức Như Lai, há có thể nói, nghĩ, tính, bàn được ư?

Kinh văn rộng lớn như thế, cuối cùng kết thúc bằng việc Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn quay về Cực Lạc, chỉ dạy sanh về thế giới An Dưỡng, chỉ nguyện thấy Phật A Di Đà. Những lời khuyên phát chuyên tinh, thiết tha, đĩnh ninh nhắc đi nhắc lại được chép trong phẩm Hạnh Nguyện tôi chẳng cần phải chép vào đây.

Vả nữa, Phật diệt độ sáu trăm năm, vị tổ thứ mười hai bên Tây Thiên là Mã Minh đại sĩ ứng theo lời huyền ký của Phật, trùng hưng chánh pháp, gộp ý nghĩa của một trăm lạc-xoa (6) kinh điển Đại Thừa tạo thành bộ luận đặt tên là Khởi Tín nhằm khiến chúng sanh đời mạt phát khởi chánh tín đối với Đại Thừa. Ví như mượn các sợi màu để dệt thành gấm, gầy mật

từ trăm hoa; những lập thuyết, phân tích của ngài đạt tới mức tinh vi cùng cực, trình bày toàn vẹn hết thảy pháp môn, các thứ tam muội khiến cho ai nấy tu tập, chánh tín. Ngài lại nghĩ hết thảy pháp môn, các thứ tam muội đều là khó tu nhưng dễ lui sụt, nên cuối luận, Ngài lại chỉ ra mặt trời phương tiện dễ dàng thù thắng của chư Phật.

Hơn nữa, sơ học Bồ Tát trụ trong thế giới Sa Bà này gặp phải các nỗi khổ: lạnh, nóng, mưa gió trái thời, đói kém v.v... hoặc gặp phải chúng sanh bất thiện, đáng sợ, bị tam độc quán trối, quen hành ác pháp. Trong những cảnh ngộ đó, nếu Bồ Tát lòng sanh khiếp nhược, sợ rằng chẳng thể thành tựu tín tâm thanh tịnh, đâm ngờ, muốn lui sụt thì hãy nên nhất tâm chuyên niệm Phật và Bồ Tát để sanh tâm quyết định. Nhờ đó, lúc mạng chung ắt được sanh vào các cõi nước của chư Phật, gặp Phật, Bồ Tát, vĩnh viễn thoát khỏi đường ác. Như trong kinh nói: *“Thiện nam tử, thiện nữ nhân chuyên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, dùng các thiện căn hồi hướng nguyện sanh, ắt quyết định được sanh, thường thấy đức Phật ấy, tín tâm tăng trưởng, vĩnh viễn chẳng lui sụt, được dự vào chánh vị”*.

Vì thế, biết rằng: khi đức Phật còn tại thế thì có các vị Văn Thù, Phổ Hiền; sau khi Phật diệt độ, có Mã Minh, Long Thọ, các vị đại sĩ như thế đều khuyên vãng sanh. Các ngài lại tự nguyện được vãng sanh để thân cận Di Đà. Ngoài ra, như trong các bộ kinh lớn khác như: Bảo Tích, Đại Tập v.v... đều xưng dương, khen tụng, khuyến khích, nhưng chẳng thể nêu được hết. Tịnh độ của mười phương chư Phật vô lượng, nhưng kinh luận lại đặc biệt khuyên quy hướng cõi Cực Lạc là vì ba ý:

- Một là vì đức Phật ấy có nhân duyên lớn đối với người trong cõi này nên chẳng luận là sang, hèn, hiền, ngu, già, trẻ... ai nấy đều biết đến danh hiệu của Phật A Di Đà. Như ai gặp lúc oan khuất, khổ sở, mở miệng thốt ra lời không ai là chẳng niệm danh Ngài.

- Hai là vì Pháp Tạng tỳ kheo nguyện lực thù thắng. Ngài tom góp toàn bộ các sự trang nghiêm của hai mươi một ức cõi Phật thanh tịnh để trang nghiêm một thế giới Cực Lạc. Ngài phát ra bốn mươi tám nguyện rộng sâu tiếp độ chúng sanh niệm Phật trong mười phương sanh về nước Ngài. Tuy chư Phật quả đức thật sự bình đẳng, nhưng trong lúc tu nhân [thệ nguyện sai biệt] nên đối với nguyện lực vô sai biệt “tùy ý nhiếp thọ chúng sanh” bèn có sai biệt vậy.

- Ba là A Di Đà Phật chính là Pháp Giới Tạng Thân, thế giới Cực Lạc chính là Liên Hoa Tạng Hải, thấy một đức Phật chính là thấy vô lượng Phật, sanh về một cõi chính là sanh trong vô lượng cõi, niệm một đức Phật chính là niệm hết thảy chư Phật, tức là được hết thảy Phật hộ niệm vì Pháp Thân bất nhị, chúng sanh và Phật bất nhị, đức Phật được niệm và người niệm Phật bất nhị.

Dù các kinh luận đã rộng tán dương cõi ấy, nhưng chúng sanh cõi này thoát đầu chẳng hề biết đến, chỉ đến khi Viễn Công vào đời Tống quật khởi ở núi Khuông Lư, sáng lập Liên Xã, danh hiền, đại nho thời ấy tự nhiên kéo đến. Ngay cả những vị như Lưu Di Dân, Tông Lô v.v... đều khâm phục, học theo, nên giáo đạo bèn lan truyền rộng rãi. Tiếp đó, từ đời Đường, Tống đến nay, Thiên Học ngày càng thanh hành, hàng sĩ đại phu, kẻ có trí thức đa phần ngưỡng mộ Tông môn, hướng đến những điều cao lạ, nhưng từ trên xuống đến dưới, trong cả một ngàn một trăm năm, người thật sự kiến tánh chẳng qua chỉ có mấy người như quan thị lang Dương Úc, phò mã Lý Tuân Úc, lang trung Hứa Thức mà thôi. Ngoài ra chỉ toàn là hạng đạo chơi ngoài sân, trước cửa, khiến cho pháp môn dễ dàng thù thắng chẳng thể nghĩ bàn này chỉ dành riêng cho hàng ngu phu, ngu phụ.

Trong thời gian ấy, tuy có năm ba vị tôn túc tiếp nối chí Tổ, nhưng chưa tiếp độ được nhiều kẻ căn cơ cao, chưa rộng độ các phẩm. Mãi cho đến cuối đời Minh, bèn có đại sư Vân Thê Châu Hoằng nương bi nguyện xưa, dùng thuận Nho thoát tục để chuyên hoằng dương Tịnh nghiệp. Cố nhiên những bậc danh hiền thời ấy theo về, tin tưởng Ngài rất nhiều, nhưng những kẻ hủy báng, cật vấn Ngài cũng chẳng phải là ít. Đại sư do hoằng tài diệu biện nên bách chiến bách thắng, biến những điều đó thành niềm vui pháp hỷ nên Tăng, tục hâm mộ, ngưỡng phục gần như Viễn Công phục sanh, Vĩnh Minh tái thế. Đạo Tịnh Độ lại được trùng hưng mạnh mẽ. Như vậy Ngài đã hưng khởi pháp môn bị chìm đắm cả hơn một ngàn năm, công ấy chẳng vĩ đại lắm sao?

Cho đến giờ đây, mặt pháp tối tăm, chúng sanh phiền cấu nặng nề trong đường hiểm ác mà bỏ mất người hướng dẫn tốt lành này thì chẳng đáng than dài sườn sụt ư? Đời tôi đã xé, chẳng được thân cận học hỏi đại sư, di ngôn quý báu của Ngài khác nào khuê bích (8). Mỗi phen giờ ra xem, liền chẳng ngăn nổi lệ ứa ròng ròng, phát khởi tâm ý mạnh mẽ.

Kể từ khi trụ ở chùa Phổ Nhân đến nay, thường được tụ họp cùng các vị hiền nhân, sáu thời hành đạo, rất hợp lòng mong, nhưng mỗi phen được gặp một pháp hữu, chẳng dám dùng con mắt kẻ tục để nhìn, lòng riêng trộm tính: “Cõi nước hoa sen lại có thêm một người bạn thù thắng. Xưa kia, đức Bồ Sư Thích Ca của chúng ta từng huyền ký: trong cõi này có sáu mươi bảy ức Bồ Tát vãng sanh cõi kia, người này ắt là một người trong số đó”.

Dù biết rằng những kẻ hờ hững, lui sụt thì nhiều, nhưng đã phát tâm niệm Phật, đã vào trong Di Đà nguyện hải thì sẽ như ăn phải một chút kim cương, rốt cuộc chẳng tiêu được nổi. Dầu siêng, lười, chậm, nhanh khác nhau, rốt cuộc ắt sanh về cõi kia. Đã sanh về cõi kia, rốt cuộc ắt chứng quả, chứng tám tướng thành đạo, rộng độ chúng sanh. Vì thế, lúc vừa dự vào hội, tôi liền mong mỗi [chuyện các bạn sẽ thành] chư Phật vị lai chẳng phải [là chuyện] hư vọng, chẳng biết các bạn tự mong mỗi như thế nào? Nếu các vị cũng mong mỗi giống như lão nạp thì những bạn lành hiện diện đây đều là nhụy sen, cành sen của tôi cả.

Nhưng tôi xem ra, hiện thời những kẻ phú quý, lanh lợi, thành đạt thì hoặc là tham mến thanh sắc thô tệ, chẳng biết gốc khổ, hoặc tham luyến danh tiếng nhỏ tí như cái sừng con ốc, chẳng biết là hư huyền, hoặc lại thích trồng trọt, buôn bán kiếm lợi, toan tính kinh doanh. Phí hèn suốt cả đời này, tương lai theo nghiệp lưu chuyển; chẳng biết chẳng nghe đến y báo, chánh báo trang nghiêm thắng diệu trong cõi Phật kia, từ sống đến chết chưa từng khởi một tâm niệm hướng đến vãng sanh, chẳng bằng kẻ tối ngu, cùng quẫn, phần nhiều biết niệm Phật, từ chỗ tối vào chỗ sáng, chuyển sanh vào nơi thù thắng!

Vì thế, nay tôi kính khuyên các bạn: Ai đã ghi danh vào Liên Xã, người ấy chính là hoa Ưu Đàm trong nhà lửa, hãy nên đầy đủ ý nguyện chân thật, phát tâm ưa - chán, coi tam giới như lao ngục, coi vườn nhà như gông cùm, coi thanh sắc như trầm độc (7), coi danh lợi như xiềng xích, coi cảnh ngộ cùng - thông trong mấy mươi năm hết như giấc mộng đêm qua, coi một kỳ thọ báo trong cõi Sa Bà như nơi quán trọ, ngủ qua một đêm liền bỏ đi, chỉ lấy việc trở về nhà làm trọng. Như ý cũng được, chẳng như ý cũng xong, bỏ được [những chuyện chỉ tồn tại trong] chốc lát, nhất tâm niệm Phật. Nếu thật sự làm được như thế mà chẳng sanh Tịnh Độ thì chư Phật đều thành nói dối. Xin hãy cùng gắng sức.

4. Khai thị cho đại chúng trước lúc bắt đầu niệm Phật trường kỳ suốt ba năm

Phàm ai muốn công hạnh chẳng uổng trong thời gian định kỳ niệm Phật thì hãy nên phát ba thứ tâm để làm phương tiện:

- Thứ nhất là sanh lòng đau tiếc quang âm dù thời gian ba năm chẳng mấy. Cổ nhân đã ví: “*Như bệnh sốt rét mỗi ngày đều lên cơn, cứ ba lượt nóng lạnh là xong*”. Nếu chẳng siêng gắng, đốc thúc thân tâm đua tranh với từng phút giây, sẽ chẳng khỏi thấy [thời gian ba năm] là dài. Nếu thấy là dài thì năm tháng dằng dặc, tâm sự ngổn ngang, dễ sanh mệt chán, công phu tịnh nghiệp chẳng đạt, chẳng tiếc lắm ư? Huống hồ mạng trong hơi thở, nào bảo đảm sống được ba năm? Dù sống hơn được ba năm, nào phải là trường cửu? Như thường nói: “*Như tù bị dắt ra chợ, như dê bị đưa đến lò mổ, cứ mỗi bước tiến đến trước là một bước đến gần cái chết*”. Ngày đêm đăm đăm, nóng lạnh chẳng sờn, một câu hồng danh không lúc nào gián đoạn; lẽ nào Di Đà chẳng tiếp dẫn, chẳng quyết định sanh về Tịnh Độ sao? Những người đồng hạnh với tôi hãy dè chừng: chớ lúc đầu tinh chuyên, về sau biếng nhác. Hãy xem ba năm như một ngày, như một sát-na thì mới nên.

- Thứ hai là phải phát tâm chuyên cầu xuất ly. Công hạnh ba năm chẳng những không cầu những phước báo thấp thời của thế gian, mà cũng chẳng nên mong cầu công đức, trí huệ, biện tài, ngộ giải hoặc cầu đời đời làm tăng để hưng hiển Phật pháp v.v... Chỉ mong khi chết được sanh sang cõi kia, thoát khỏi sanh tử. Nguyên ấy phải hiện hữu trong từng khắc, như xưa có người nọ bị vùi trong cái giếng khô sâu cả ngàn thước, được con cáo dạy cho khẩu quyết theo lỗ hồng mà thoát ra. Do nhất tâm muốn thoát ra, người ấy nhìn vào lỗ hồng [tụng khẩu quyết] một lúc lâu, lỗ chẳng lớn thêm, thân chẳng nhỏ đi mà tùy ý bay thoát ra.

Niệm Phật cũng thế, chuyên niệm đức Phật ấy, nhất tâm cầu sanh. Niệm đã đến mức khẩn thiết, Phật thật sự chẳng đến, ta chẳng đi qua đó mà tự nhiên được sanh. Được thỏa nguyện sẽ thấy Phật, nghe pháp, đoạn Hoặc, chứng quả, chẳng nhọc phương tiện tự được tâm khai, trăm ngàn tam muội nghĩ đến liền hiện hữu, bất khả thuyết bất khả thuyết vi trần số đại nguyện đồng thời đầy đủ. Cốt sao lòng tin chắc chắn, tận lực hành trì, chuyên tinh duy nhất ắt được thành tựu.

- Thứ ba là phát tâm hòa thuận, tuân thủ, kiểm chế. Trong điện đường đã không có đông chúng, sáng tối ở chung với nhau, xưng là “đồng hạnh thiện tri thức”, ai nấy phải phòng thân giữ miệng, khiêm cung, nhường nhịn, nhu thuận, giúp nhau rèn giũa, làm gương cho nhau.

Trong vòng ba năm hết như bé quan cấm túc, lấy sơn môn làm giới hạn, chẳng được đi ra ngoài, dù chuyện lớn như người thân, bè bạn bệnh tật, chết đi cũng chẳng được phá lệ đi ra, tạo thành đầu mối khiến người khác tự tiện bắt chước theo. Đối với hằng khóa mỗi ngày chẳng được biếng nhác, bỏ qua hay thiếu sót, chỉ trừ khi bệnh hoạn chẳng ăn uống được. Dù ngồi hay nằm đều phải âm thầm niệm Phật; nhất là trong lúc bệnh hoạn càng phải cấp thiết niệm Phật.

Ngoài những thời hằng khóa, nếu mắc lỗi gì phải tự kiểm điểm, đừng buông lung thân tâm. Khi rảnh rỗi chẳng được chuyện gẫu nói năng tạp nhạp, phóng dật, cười giỡn, vừa hại mình vừa khiến người bị trở ngại. Chẳng được đọc các sách ngoài đời, ngâm vịnh thi kệ. [Làm vậy thì] chẳng những uổng phí thời gian, mà còn là cô phụ đàn-việt (thí chủ).

Trong đường, chọn ra một người làm giám trực, cứ năm ngày lại đổi phiên thay nhau lãnh trách nhiệm. Ai chẳng ước thúc, tuân thủ, chẳng đúng pháp thì giám trực sư liền khuyên can. Vừa khuyên can liền nghe thì tốt, nếu can đến ba lượt vẫn chẳng nghe thì bạch chúng bàn cách trị phạt. Nếu giám trực sư vị tình giấu diếm, chẳng can gián, chẳng cử tội sẽ bị phạt tùy theo mức tội. Nếu các thầy tự nghiêm, tự trọng, ai nấy tinh tấn chẳng phóng dật, chẳng cần phải dùng đến quy ước này thì tốt quá. Gắng lên, gắng lên!

5. Khai thị cho đại chúng trước lúc khởi đầu tinh tấn Phật thất

Bảy ngày trì danh quý tại nhất tâm bất loạn, không gián đoạn, không xen tạp; chứ chẳng phải niệm nhanh, niệm nhiều là hay. Cốt sao đừng rề rà, đừng gấp gáp, miên miên mật mật trì danh, khiến cho trong tâm Phật hiệu vắng vặc phân minh; mặc áo, ăn cơm, đi, đứng, nằm, ngồi, một câu hồng danh khắng khít chẳng dứt khác nào hít thở, chẳng tán loạn nhưng cũng chẳng được chìm đắm. Trì danh như thế có thể bảo là đạt Nhất Tâm về mặt Sự.

Nếu là hạng người học đạo chân chánh, trực tiếp thấu suốt vạn pháp đều Như, chẳng có hai tướng, nghĩa là: chúng sanh và Phật chẳng hai, ta - người chẳng hai, nhân - quả chẳng hai, y báo - chánh báo chẳng hai, uế - tịnh chẳng hai, khô - vui chẳng hai, ưa - chán chẳng hai, lấy - bỏ chẳng hai, Bồ Đề - phiền não chẳng hai, sanh tử - Niết Bàn chẳng hai, tức là các pháp đều cùng một tướng, một đạo, thanh tịnh, chẳng phải miễn cưỡng lập bày sai khác, cứ đúng như sự thật mà suy xét lãnh hội.

Suy xét, lãnh hội đến cùng cực sẽ đột nhiên khế hợp bốn tâm, mới biết rằng ăn cơm, mặc áo đều là tam muội, cười giỡn, nổi nóng chửi rửa không gì chẳng phải là Phật sự; nhất tâm, loạn tâm rốt cuộc thành hý luận! Trong mười hai thời tìm lấy tướng trạng sai khác chừng bằng mấy tóc cũng chẳng thể được. Dù chí tâm xung niệm cũng giống như thả sức mắng chửi; dù tinh tấn tu trì cũng giống như khổ hạnh trong mộng. Liều đạt như thế mới là người chân chánh học đạo nhất tâm tinh tấn trì danh.

Môn nhất tâm thứ nhất tựa hồ khó khăn nhưng lại dễ, môn nhất tâm thứ hai tựa hồ dễ nhưng lại khó. Người đạt được cái nhất tâm ban đầu là có thể vãng sanh. Người chứng thêm được cái nhất tâm thứ hai ắt có thể sanh vào thượng phẩm. Hai thứ nhất tâm này đều thuộc khả năng của hạng phàm phu sát đất, ai có tâm đều có thể có tu học được. Đồng đường tăng tục (9) chớ đề cao thánh cảnh, nhưng tự mình cam phận kém hèn, ai nấy phải thân tâm siêng gắng, gần là trong vòng bảy ngày, xa là trong suốt một đời này, thường tin tưởng như thế, thường tu cái hạnh như thế, dù chẳng chứng đắc ngay được để làm nhân, chắc chắn cũng sẽ gởi phẩm nơi cung hoa, chẳng rớt vào trung hạ.

Nếu như sau bảy ngày này, coi như chưa từng nghe đến [những điều này], chỗ chín rớt cuộc chẳng biến thành sông, chỗ sống vẫn còn nguyên khó chín, vô minh nghiệp tập chẳng trói, buộc ràng, chỉ muốn thành công cho nhanh thì hết bảy ngày này đến bảy ngày khác, vẫn chưa hề đạt được nhất tâm bất loạn! Đây chính là như kinh dạy: “*Ít thiện căn, phước đức nhân duyên*”, còn mong chi vãng sanh về cõi kia cho được? Để rồi đến nỗi đâm ra nghi lời thành thật thốt ra từ kim khẩu là gian dối; thì đây là lỗi của ai vậy? Nguyên đồng thất tịnh chúng ai nấy hãy tự nghĩ kỹ để ngăn dè, gắng công vậy!

6. Liệt kê pháp môn

Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là một phương tiện dễ dàng thù thắng do đức Thích Tôn đặc biệt chọn ra từ vô lượng pháp môn; nhưng trong pháp Niệm Phật lại có nhiều môn. Tuy vậy, xét ra chẳng ngoài bốn loại:

- Một là niệm Phật thật tướng, tức là như Bốn Giác lý tánh được giảng trong các kinh như Đại Tập... chính là pháp này.

- Hai là niệm Phật pháp môn, tức là như các môn tam muội đã nói trong các kinh Đại Thừa.

- Ba là niệm Phật tướng hảo, tức là niệm các tướng thắng, liệt nơi thân như Thập Lục Quán Kinh đã dạy.

Ba môn niệm Phật này tuy là thù thắng, nhưng chẳng phải là phương tiện dễ dàng vì phải thấu rõ sự lý, thâm đạt quán cảnh. Thượng trí còn khó đạt, độn căn tuyệt chẳng có phần.

Vì thế mới cách thứ tư là niệm danh hiệu Phật, tức là nhất tâm trì danh như kinh Tiểu Bồn Di Đà đã dạy. Chỉ có mỗi môn này nhờ vào nguyện lực thù thắng của đức Phật kia nên chẳng cần biết là hữu trí hay vô trí, thượng, trung hay hạ căn, cứ hễ chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn trong bảy ngày thậm chí một ngày thì chính là “nhiều thiện căn, phước đức nhân duyên”, liền được Phật Di Đà và thánh chúng tiếp dẫn, liền được thập phương hết thảy chư Phật hộ niệm. Và nữa, đức Phật ấy vốn có thế nguyện: “*Nếu có chúng sanh muốn sanh về cõi ta, chí tâm tin ưa, dầu chỉ mười niệm mà nếu chẳng được sanh thì ta sẽ chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác*”. Đây là phương tiện chẳng thể nghĩ bàn, không những lạ lùng mà còn thù thắng nữa.

Cõi Tịnh Độ để sanh về cũng có bốn loại:

- Một là Thường Tịch Quang Tịnh Độ là chỗ cư ngụ của thánh nhân cực quả. Đoạn sạch Vô Minh Hoặc mới được sanh vào cõi này.

- Hai là Thật Báo Vô Chướng Ngại Độ, là chỗ ở của bậc Bồ Tát từ Sơ Địa trong Viên Giáo hay Sơ Trụ trong Biệt Giáo trở lên. Đoạn sạch Trần Sa Hoặc mới được sanh vào cõi này.

- Ba là Phương Tiện Hữu Dư Độ, là chỗ trụ của bậc Tứ Quả thánh nhân, Tam Hiền Bồ Tát của Biệt Giáo, Thập Tín Bồ Tát của Viên Giáo. Đoạn sạch Kiến Tư Hoặc mới được sanh vào cõi này.

Ba thứ Tịnh Độ này tuy thù thắng, nhưng vẫn chưa phải là phương tiện lạ lùng, vì phải đoạn Hoặc mới được sanh về, vẫn là thoát ly tam giới theo chiều dọc.

- Bốn là Phàm Thánh Đồng Cư Độ, là chỗ Quyền Thật thánh hiền và phàm phu thấp sát đất cùng ở chung. Chỉ có mình cõi này là nương vào sức nhiếp thọ của chư Phật nên chẳng cần phải đoạn Hoặc, lại còn đối nghiệp vãng sanh. Chỉ quý sao có tín nguyện dẫn đường, cảm ứng đạo giao, trước chướng nhẹ bớt, thoát khỏi khổ luân.

Cõi Đồng Cư An Dưỡng này theo chiều dọc thông triệt các cõi Phương Tiện, Thật Báo, Tịch Quang, nên bậc thượng trí mau chóng viên mãn bốn cõi Tịnh Độ mà kẻ hạ ngu vẫn có thể vượt ngang ra khỏi tam giới, chẳng phiền phải tu theo Cửu Thứ Đệ (10), chẳng phải đợi ba a-tăng-kỳ mới chứng. Đây là phương tiện không những lạ lùng mà còn thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Pháp môn tối thắng, riêng lạ này lúc đức Thích Ca Thiện Thệ ân cần chỉ dạy, khuyên lơn nơi cõi Ngũ Thiên Trúc xa xôi, hằng hà sa Như Lai dùng tướng lưỡi rộng lớn tán dương trong mười phương cõi nước, há lừa dối ta ư?

Trong Tỳ Bà Sa Luận, ngài Long Thọ viết: “*Phật pháp có vô lượng môn. Như đường đi trên thế gian có khó có dễ; đi đường bộ thì khó, ngồi thuyền thì dễ. Muốn dễ đi mà mau đến thì hãy nên niệm Phật. Xưng danh hiệu A Di Đà Phật sẽ mau chóng đạt được A-nậu Bồ Đề*”. Ngài Trí Giả cũng viết trong Thập Nghi Luận rằng: “*Trong đời ác ngũ trước, cầu A Bệ Bạt Trí rất khó đạt được, ví như kẻ thọt một ngày đi không quá mấy dặm. Nếu tin vào Niệm Phật*

Tam Muội, nhờ nguyện lực của đức Phật kia nhiếp trì quyết định vãng sanh, như ngồi thuyền gặp cơn gió thuận, trong khoảnh khắc đi cả ngàn dặm. Lại như gã yếu ớt đi theo Chuyển Luân Vương, trong một ngày một đêm đi giáp vòng tứ thiên hạ, chẳng phải do sức của gã mà là do sức của Chuyển Luân Vương”.

Đời chỉ thích nói “trực chỉ”, đa phần cho Tây Phương là độn, bảo rằng pháp môn này chuyên nhiếp thọ độn căn liệt khí! Nếu đã có thể nhất siêu trực nhập thì cần gì phải bận tâm nghĩ đến tha lực? Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ và những bậc trí, bậc giác ngộ trong cõi này cùng phát nguyện vãng sanh, bọn họ đều thuộc độn căn hết sao? Trong hội Bảo Tích, đức Thế Tôn khuyên phụ vương Tịnh Phạn và sáu vạn người họ Thích đều sanh Tịnh Độ, bọn họ đều là liệt khí (căn khí hèn kém) hết sao? Chẳng nhọc phương tiện mà tâm được tự khai, há có con đường tắt nào được như thế chẳng? Vừa ủ thai sen liền vào Bất Thoái, sao lại coi là pháp xa xôi, hèn hạ?

Nếu ai đã ngộ tâm tông, khi được răn nhắc, vẫn nói là đời đời chẳng thoái chuyển ắt có lúc thành Phật, thì cứ suy sự khó - dễ, nhanh - chậm ắt sẽ thấy rõ rành rành. Những kẻ học đạo trong đời nếu nghi ngờ hoặc hủy báng, hoặc rẻ rúng chẳng thêm nói đến [pháp này], dù có bảo họ chẳng phải là hạng ngu cuồng, tôi cũng chẳng tin.

7. Lược giảng chín phẩm

Một môn Tịnh Độ tuy rộng nhiếp các căn đều đạt Bất Thoái, nhưng gặp Phật lâu - mau, nghe pháp lớn - nhỏ, chứng quả, thọ ký nhanh - chậm đúng là khác nhau vời vời một trời, một vực! Kinh Đại Bản chia giản lược thành ba bậc, Quán Kinh chia kỹ thành chín phẩm. Nói chung, Thượng Phẩm lấy giải ngộ làm gốc; Trung Phẩm lấy giới - thiện làm gốc; Hạ Phẩm thuần ác không thiện, chỉ là lúc lâm chung gặp thiện hữu, một niệm tín tâm diệt tội vãng sanh.

Nếu phân tích kỹ, “*đọc tụng kinh Đại Thừa*” như đã nói trong phần Thượng Thượng Phẩm nghĩa là “*tông thuyết câu thông*” (thông suốt cả Tông lẫn Giáo), tu hành lực niệm đến mức “*hạnh giải tương ứng*”, cho nên trong khoảng khảy ngón tay liền vãng sanh, thấy Phật, nghe pháp, ngộ Vô Sanh Nhân, trong khoảnh khắc đi qua các nơi phụng sự mười phương chư Phật, được thọ ký. Tăng như Viễn Công, Trí Giả, tục như các vị Lưu Di Dân, Dương Vô Vi... đáng thuộc phẩm này.

Người sanh trong Thượng Trung Phẩm là tuy chưa đạt đến mức đọc tụng kinh Đại Thừa, nhưng đã hiểu được Đệ Nhất Nghĩa. Như vậy, chính người ấy đã có ngộ nhập, nhưng hạnh chứng chưa bằng được với bậc Thượng Thượng Phẩm, nên phải trải qua một đêm hoa sen mới nở, thấy Phật. Do sự tu tập từ trước, nghe thấy tất cả các âm thanh đều nói Đệ Nhất Nghĩa Đệ rất sâu. Trong vòng bảy ngày đắc Bất Thoái Chuyển nơi A Nậu Bồ Đề, tu các tam muội, trải qua một tiểu kiếp đắc Vô Sanh Nhân.

Người sanh trong Thượng Hạ Phẩm, tuy chưa ngộ nhập, nhưng cũng đã phát Vô Thượng Đạo Tâm, tự muốn thấy rõ bốn tánh, nhưng chưa được toại chí bèn cầu sanh. Bảy ngày thấy Phật, hai mươi một ngày mới được nghe diệu pháp, trải qua ba tiểu kiếp mới trụ vào Hoan Hỷ Địa.

Người sanh trong Trung Thượng Phẩm là nam nữ tại gia lòng tin trong sạch, trì giới cầu sanh, lâm chung thấy Phật vãng sanh, hoa sen liền nở, nghe pháp nói Tứ Đệ liền lập tức đắc đạo A La Hán. Do giới lực chuyên chú nên hoa nở chứng quả rất nhanh, nhưng do chưa phát

Vô Thượng Đạo Tâm nên những điều được nghe chỉ là Tứ Đế, quả chứng được chỉ là Tiểu Quả.

Người sanh trong Trung Trung Phẩm là hạng nam nữ xuất gia trì giới cầu sanh. Kinh nói: “*Một ngày một đêm trì giới Sa Di, trì giới Cự Túc*” nhằm chỉ rõ: Giới pháp thù thắng, dù trì [trong một thời gian] ngăn ngừa còn được vãng sanh, huống là trì giới đã lâu? Người xuất gia giới hạnh tinh chuyên cũng sanh trong Trung Thượng Phẩm; người tại gia tạm thời trai giới cũng có thể sanh trong Trung Trung Phẩm. Lâm chung thấy Phật, vãng sanh xong bảy ngày sau hoa mới nở, nghe pháp đắc quả Tu Đà Hoàn, sau nửa kiếp thành A La Hán.

Người sanh trong Trung Hạ Phẩm cũng là tục nhân nam nữ chưa từng quy hướng Tam Bảo, nhưng bảm tánh nhân hiếu, có khả năng đạt đạo. Lúc lâm chung gặp thiện tri thức khai thị liền được vãng sanh. Sau bảy ngày thấy hai vị đại Bồ Tát, nghe pháp đắc quả Tu Đà Hoàn, trải mười tiểu kiếp mới thành A La Hán.

Người sanh trong Hạ Thượng Phẩm chính là ác nhân tục gia, lúc lâm chung gặp thiện tri thức dạy xưng niệm Phật danh, diệt tội vãng sanh. Bảy ngày sau hoa nở, thấy hai vị đại sĩ giảng mười hai bộ kinh rất sâu, bèn phát Vô Thượng Đạo Tâm. Qua mười tiểu kiếp được nhập Sơ Địa.

Người sanh trong Hạ Trung Phẩm chính là ác nhân xuất gia phá giới, lâm chung gặp thiện tri thức xưng danh hiệu Phật, thuyết pháp, nhất niệm vãng sanh. Phải sáu kiếp hoa sen mới nở, thấy hai vị Đại Sĩ, nghe kinh điển Đại Thừa rất sâu, phát Vô Thượng Đạo Tâm.

Người sanh trong Hạ Hạ Phẩm là hạng ngũ nghịch thập ác cực ác và cả hai loại Tăng, tục, lúc lâm chung gặp thiện tri thức dạy xưng danh hiệu Phật, mười niệm vãng sanh. Sau mười hai tiểu kiếp hoa sen mới nở, nghe hai vị Đại Sĩ vì mình giảng Thật Tướng các pháp bèn phát tâm Bồ Đề.

Với hai phẩm cuối này, kinh không nói đến thời hạn chứng nhập địa vị, cũng giống như người sanh trong Thượng Hạ Phẩm: sau khi phát Vô Thượng Đạo tâm phải qua mười tiểu kiếp [mới đắc Sơ Địa]. Ba phẩm Trung tuy dùng giới - thiện để cầu sanh, tâm tự độ kiên cố, nhưng hạnh độ tha khiêm khuyết nên dù rất cuộc sẽ đắc Đại Thừa, nay tạm thời chỉ chứng Tiểu Quả. Ba phẩm Hạ tuy là phạm phu cực ác nhưng do được nghe hai vị Đại Sĩ thuyết pháp thâm thâm, phát được Vô Thượng Đạo Tâm nên dù phải trải qua nhiều kiếp, vẫn dự thẳng vào thánh vị. Đây chính là chỉ trong một niệm, nhanh chóng vượt khỏi Đại - Tiểu, Quyền thừa tiểu quả, một đời tinh tấn vượt xa nhiều kiếp. Thai sen lớn - nhỏ là do phát tâm nhanh hay chậm.

Khuyên hành giả hãy xét kỹ điều đó mà khởi sự. Người đã ngộ lại cầu sanh sẽ nhờ vào cảnh duyên Cực Lạc mà kiết sử, tập khí dễ đoạn, tam muội dễ tu, mau thành Nhẫn lực để độ chúng sanh. Người chưa ngộ cầu sanh do thân cận Di Đà bèn dễ kiến tánh. Ngài Vĩnh Minh từng nói: “*Chỉ được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ*” chính là ý này.

Với hai môn Thiên - Tịnh ai nấy đều nên chuyên chú, bênh môn này chê môn kia là hiểu lầm ý Phật quá lớn. Người tham Thiên chẳng cần biết là ngộ hay không, hễ được vãng sanh liền chứng Thượng Phẩm. Người tu Tịnh Độ dù ngũ nghịch, thập ác nhưng sám hối còn được dự vào Hạ Phẩm. Thế nhưng kinh dạy “*chẳng báng Đại Thừa*” đủ biết kẻ hủy báng chẳng được vãng sanh vậy! Kẻ trước đã ngộ rồi sau vãng sanh giống như buồm lớn gặp được gió

thuận. Kẻ niệm Phật báng Thiền như hạt giống hư gieo nơi đất tốt. Tướng tốt - xấu, mối quan hệ được - mất như thể chẳng thể chẳng biện định.

8. Dạy cư sĩ Hạ Tử Di

Đại A Di Đà Kinh nói: “Tu hành một ngày một đêm trong thế giới Sa Bà hơn làm lành trong thế giới Cực Lạc cả trăm năm” là vì cõi này khó thể tận tu, cõi kia dễ ra công sức. Theo đó mà nói thì tu hành trong đời đời gió bụi một ngày hơn tu hành trăm năm nơi cảnh chùa thanh tịnh chốn non sâu là điều không còn nghi ngờ gì nữa. Bởi thế, mới nói: “Đạo nơi kinh thành cũng được, dẫn mình vào chốn bụi hồng cũng xong, cốt sao tịnh nguyện chẳng được quên, tịnh hạnh chẳng được khuyết!”

Than ôi! Gió bụi há nhiễm được người u, chỉ sợ người tự nhiễm gió bụi đó thôi! Cư sĩ thiện căn sâu dày, tín lực chuyên dốc, từ lâu đã biết “tuyển quan chẳng bằng tuyển Phật”. Hạnh ấy vốn chẳng thể cùng tận, nhưng để vào được trường thi tuyển Phật, bất luận là núi sâu chùa vắng hay đường đời gió bụi, đều phải lấy tâm làm kim chỉ nam, lấy nguyện làm người dẫn đường thì điều mình hướng tới mới chẳng sai trái; dù suốt ngày đi trên đường có khác gì đang ở trong nhà, Trường An chẳng cách đất này mấy trăn!

Từ đó, đột nắng xông mưa, chơi châu đạo huyện, trải giấy vung bút (11), nắm cương vung roi, chốn chốn là đạo tràng, lúc nào cũng là Phật sự, tịnh nguyện, tịnh hạnh thường được hiện tiền, tự nhiên đến được thượng bang Thanh Thái (12), diện kiến thánh nhan Vô Lượng Thọ, đậu cao tột trong khoa thi cử phẩm, trụ hạnh hướng địa, châu hầu mười phương chư Phật, tiêu sạch những lỗi lầm lớn. Sau đây, phân thân bồ xứ, ban bố hiệu lệnh thống lãnh trời người cửu giới, thuần hóa bảy phương tiện đệ tử. Tuyển quan, tuyển Phật như thế há chẳng đáng là bậc đại trượng phu ư?

Thế nhưng, nói dễ, làm khó! Chùa tịnh núi sâu thì dễ, nẻo đời gió bụi thì khó. Tôi xin cư sĩ hãy nhận biết sự khó khăn đó để mai sau ắt có lúc sẽ đạt thành tựu lớn lao. Hãy nghĩ đến thời gian như ngựa phi, mỗi ngày một già yếu, phải qua lại trên đường dài, đừng uổng phí dịp tốt. Ngoài định khóa, có thời gian rảnh thì niệm thêm Phật hiệu, còn những môn khác như chú Lăng Nghiêm, chú Đại Bi v.v... đều bắt tất phải quan tâm đến.

9. Dạy cư sĩ Đinh Canh Dã

Xưa kia, hòa thượng Tịch Thất bảo: “Người đời muốn tu Tịnh nghiệp chẳng thể nói tôi nay bận rộn phải đợi đến lúc nhàn hạ, tôi nay nghèo túng hãy đợi đến lúc giàu có, tôi nay trẻ mạnh hãy đợi đến lúc già cả. Nếu viện có bận rộn, viện có nghèo túng, viện có non trẻ thì là vô duyên tu tập Tịnh nghiệp, lỡ đột nhiên chết mất có hối cũng chẳng kịp! Sao không thừa dịp thân đang mạnh mẽ mà nỗ lực tu đi, lại cứ nói như thế?”

Người đời nay, đừng nói là người tin ưa [pháp này] đã ít, ngay cả những người tin tưởng sâu xa vào pháp môn Tịnh Độ vẫn cứ do dự, lẩn chần đến nỗi uổng phí một đời, đa phần là như vậy. Cư sĩ thiên tư tinh thuần, cẩn trọng, gặp gỡ lão nạp chưa lâu liền giác ngộ vô thường, trường trai thờ Phật, ắt là phải sẵn túc duyên!

Nhưng cư sĩ nhà không sẵn của, năm nào cũng phải trông vào lương bổng, cày cấy để chi dụng. Phàm nhà không sẵn của cải thì chi dụng chẳng đủ là điều dễ hiểu. Thân lãnh quan chức đương nhiên chẳng rảnh rỗi, tuổi mới năm mươi đương nhiên cũng chưa già suy, đột nhiên từ quan bỏ chức, già biệt đàn em dưới tay, trì mẫn phân Ưu-bà-tắc giới, đóng cửa

quanh năm, tận lực chuyên tu Tịnh nghiệp, thậm chí đối với lương thực, củi nước trọn chẳng quan tâm đến nữa; nếu chẳng phải là bậc trượng phu dũng mãnh dễ hồ làm được như vậy ư? Dùng một gian nhà nhỏ hẹp lép ngấn đôi thờ kinh - tượng, ẩn trong đó lánh ồn náo, nấu mình rèn chí chuyên tu, khác nào đang ở trong một căn nhà rộng rãi, khoáng khoáng. Nếu chẳng phải là bậc tri túc, sao lại có thể chịu đựng lâu dài như thế được?

Chao ôi! Phu nhân sống ngoài đời sao mà cũng an định vậy thay! Tôi thường lén nhận xét: Nhân thì không nhân nhưng chẳng bỏ phí thời gian, giàu thì không giàu nhưng thường biết đủ, mạnh thì không mạnh nhưng siêng tinh tấn; nay cư sĩ đủ cả ba điều ấy! Trong thiên hạ, dù có kẻ nhàn hạ, kẻ giàu có, kẻ mạnh mẽ có sức, so với cư sĩ, tôi thấy họ chỉ là hữu danh vô thật! Làm được như vậy ắt phải sanh Tịnh Độ có gì lạ đâu!

Tôi lại có một lời xin nhắc nhở ông. Ví như con thuyền chở được cả vạn hộ, muốn đi đến nơi nào đó, dầu cho cột buồm chẳng phải là không cao, bánh lái chẳng phải là không ngay, lương thực, vật dụng chẳng phải là không hoàn bị, ý chí ra đi chẳng phải là không nhất quyết, có cái thế nương gió căng buồm chớp mắt đi được cả ngàn dặm, nhưng nếu chưa chịu nhổ cây cọc đầu thuyền lên thì thuyền vẫn bị một sợi dây neo buộc chặt, dù đun đầy đủ cách há thuyền có đi được chẳng?

Hiện tại, hành nhân Tịnh nghiệp suốt ngày niệm Phật, sám hối, phát nguyện, vẫn còn cách xa Tây Phương, khó chắc được vãng sanh thì không gì khác hơn là chưa nhổ được cọc Ái, chưa dứt được dây Tình. Nếu có thể xem chuyện ân ái cõi Sa Bà giống như nhai sáo, chẳng quản rảnh - bận, động - tịnh, khổ - sướng, buồn - vui, dựa vào một câu Phật hiệu hết như ngọn núi Tu Di, hết thấy cảnh duyên chẳng thể dao động; mỗi khi biết mình mệt mỏi, biếng nhác, hoặc khi tập khí hiện tiền liền dừng mãnh đề khởi nhất niệm như vung thanh trường kiếm Ý Thiên khiến cho phiền não ma quân không nơi trốn nấp, lại cũng giống như lò to lửa hừng, khiến cho vô thí tình thức cháy sạch chẳng sót thì người ấy tuy đang sống trong cõi ngũ trược, nhưng toàn thân đã ngự trong cõi nước liên hoa, nào còn phải chờ Di Đà đưa tay, Quán Âm khuyên lơn, khen tặng, mới tin mình sẽ được vãng sanh nữa ư?

Nếu có kẻ bảo: “Vị cư sĩ nọ dũng mãnh tinh tấn như thế, há còn bị tình ái buộc ràng nữa ư? Bồng dung không bệnh lại cho thuốc ư?” Tôi đáp: “Chẳng phải thế! Cổ nhân nói: ‘Ái chẳng nặng chẳng sanh Sa Bà’, lại nói: ‘Đạo niệm nếu giống như tình niệm thì thành Phật lắm dịp’. Ngũ Thông tiên nhân tinh tấn bao kiếp còn chưa trừ được dục lậu, mắt sạch công hạnh. Vì thế biết rằng: Chưa chứng thánh quả vẫn hiếm ai không bị tình ái gây hệ lụy!

Nếu quả thật cư sĩ ý niệm thế gian mỏng nhẹ, đạo niệm dũng mãnh, sắc bén, thấy dục như tránh hầm lửa, nhớ Phật như quyến luyến mẹ hiền, trai giới, khóa tụng thanh tịnh, lời thề vĩnh viễn chẳng biến đổi thì người khỏe mạnh không bệnh dù thường uống thuốc hay nào có trở ngại chi? Há chẳng phải là đi đứng nhanh nhẹn, càng thêm mạnh mẽ ư?

Nói chung, phiền não vô tận, nhưng căn bản sanh tử chỉ là tham ái; nó có thể làm cho hành nhân bị chìm đắm, là pháp chướng ngại vãng sanh. Bởi thế, trước kia, trong các kinh chỗ nào Phật cũng quở trách. Cứ hễ đạu đạu được một phần tình ái thì tịnh nghiệp lại được thành thực thêm một phần hồng được giải thoát nơi bờ sanh tử vậy! Xin cư sĩ hãy cố gắng!

10. Can ngăn cư sĩ Cố Triệu Trinh

Đời mạt pháp bạc bẽo, con người có xu hướng trá ngụy. Tìm lấy một người chăm chú đạo, giữ lòng thành, tuân thủ lối cổ, chất phác như lão cư sĩ thì có khác gì vệt sao chọn lấy

mặt trăng đầu! Trong số tịnh hữu có ông Công Thần nhà cụ, lại thêm ông Đinh Dã Canh, ông Ông Thuán Nghi đều là thân thuộc của cư sĩ, có phải là tường lân thụ phượng (13) cùng loại tụ hợp đó chăng? Trong số ấy, ông Ông đại hiếu tột bậc, có thể nói là những hạnh khổ, hạnh khó của ông ta tôi chưa hề làm mà cũng chẳng thể làm được nổi. Trong tâm khâm phục, lại chẳng thể dùng ngọn bút để khen thuật nổi.

Đọc bài trường ca [của cư sĩ] ca tụng ông ta đôi ba lượt, càng thấy tinh vi, điêu luyện. Xưa ông Hạ Tri Chương tám mươi tuổi vẫn ham ngâm vịnh, ông Khâu chín mươi tuổi vẫn giỏi làm phú. Nay cư sĩ tuổi xấp xỉ ông Khâu, ông Hạ mà trước tác cũng gồm thâm tài khéo của họ, mong ông hãy tiếc nuôi từng phân tấc quang âm, nhặt bớt nổi ham thích bút mực, dồn tinh lực ấy để chuyên tâm vào Tịnh nghiệp khiến mầm huệ tăng trưởng, đạo chủng thành thực, ngày sau được hóa sanh trong hoa sen trước Phật thì mới chẳng bị chê là giống hệt như bọn ông Khâu, ông Hạ vậy!

11. Hồi đáp cư sĩ Cố Triệu Trinh

Trước đây đã kính gởi vài hàng, tưởng ông đã hiểu rõ, chợt nhận thư tay có những câu như “trần nghiệp tình duyên chen lẫn, vầy hãm, biết bao giờ mới thành diệu quán?” đủ biết ông cầu đạo tha thiết; nhưng theo sự thấy biết bí lậu của tôi thì tình trạng nhàm chán trần tình, ham thích diệu quán ấy lại chính là do học đạo có nội chương bèn lánh ồn tìm tịnh. Ở trong đời chưa hề có chỗ nào để dứt nổi tình trần đầu!

Phải biết rằng: vạn pháp vốn nhân, chỉ riêng mình gây rối! Ngẫu Ích đại sư từng bảo: *“Tuy nói là sáu căn huyền hoặc rong ruổi, sáu tình chao động toi bờ, nhưng suy xét kỹ, trần đã chẳng thuộc vào tội, há căn cũng biết lỗi đó ư? Căn đã chẳng biết lỗi ấy, lẽ nào riêng tình phải mang lấy tội? Chia chẻ ba khoa (căn - trần - thức) đã không có chủ thể thật sự, dù có gộp chúng lại vẫn nào có thật pháp?”* Nhưng đối với pháp hư vọng này, bọn ta bèn chấp ngã đắm nhân, bỏ cái kia, lấy cái này, giống như dụi mắt hoa đóm lẳng xăng liền phát sanh. Toan phân biệt tướng hoa cái nào tốt, cái nào xấu, chẳng phải là làm lẫn ư? Chỉ nên đem toàn thể thân, tâm, thế giới buông xuống hết thì trí nhãn chiếu minh, còn có chỗ nào để chán nhàm trần tình nữa đây?

Nhưng muốn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì khởi tâm chán - ưa mạnh mẽ đúng là nào có trở ngại gì, nhưng nếu chấp vào cái tâm chán - ưa ấy thì lại thành bệnh Hoặc! Hiểu rõ điều đó thì [tâm ấy sẽ] là phương tiện để con người sử dụng mà thôi!

Nói đến “diệu quán cảnh” thì chẳng phải Quán kinh đã từng dạy: *“Biến Chánh Biến Tri của chư Phật từ tâm tướng sanh, lúc tâm chúng sanh tướng Phật thì tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ. Tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật”* đó ư? Mấy câu này chính là điểm bí yếu của Niệm Phật tam muội, hết thấy quán môn không môn nào chẳng lưu xuất từ đây.

Bởi lẽ, biết “làm” nhưng không biết “là” thì đọa vào trong Quyền Tiêu; biết “là” nhưng không biết “làm” ắt lạc vào ma ngoại. “Làm” chính là Không Giả Quán. “Là” tức là Trung Đạo Quán. Toàn thể “làm” là “là”, toàn thể “là” là “làm”. Một niệm “làm - là” tam quán viên đốn; vì thế, kinh Đại Tập có bài kệ rằng:

Nhược nhân đản niệm Di Đà Phật,
Thị danh vô thượng thâm diệu thiền,
Chí tâm tướng tượng kiến Phật thời,

Tức thị bất sanh bất diệt pháp.
(Nếu ai chỉ niệm Di Đà Phật,
Đó gọi vô thượng thâm diệu thiên,
Lúc chí tâm tưởng tượng thấy Phật,
Ấy là pháp chẳng sanh chẳng diệt).

Trí Giác thiên sư nói: “*Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Phật là lý Bản Giác, niệm là trí Thi Giác. Vì thế biết rằng ngay trong lúc niệm Phật thì Bản Giác ngầm khế hợp với Thi Giác, Năng - Sở (người niệm và đức Phật được niệm) cùng mất, tự - tha bất nhị, không có đức Phật ở ngoài niệm để mà được niệm; không có niệm ở ngoài đức Phật để có thể niệm. Siêu tình ly kiến, ly tứ cú, tuyệt bách phi (14), thẳng tắt, viên đốn, không chi hơn được pháp này! Ngoài pháp Niệm Phật ra, há còn có diệu quán nào khác để hồng thành tựu nữa ư?

Tôi thường trộm bàn rằng: “Thuốc chẳng quý - hèn, trị được bệnh là thuốc hay. [Pháp niệm Phật] là thuốc trị cả gốc lẫn ngọn, là thuốc thích ứng cho cả bệnh cấp thời lẫn bệnh kéo dài”. Cư sĩ tuổi già hướng về đạo, dù có được hơn trăm tuổi thì tác bóng há được mấy chốc? Lẽ nào chẳng nghĩ dồn công vào con đường tối ổn đáng, sao lại cứ “thử hay hỏi diệu”, cứ lẩn quẩn do dự trong đó vậy?

Trước khi thấu hiểu, chẳng những lão nạp không bàn đến diệu quán, mà còn lược bớt nhiều thứ nhật khóa, chỉ đem câu “chân ngôn sáu chữ” ra khuyên nên gắng sức. Đây chính là phương thuốc lạ từ biển cả trị được bệnh gấp, lại còn trị được cả gốc lẫn ngọn, bệnh hoãn hay bệnh gấp đều thích hợp cả; cốt yếu là tin tưởng sâu xa, tận lực hành trì. Cổ nhân đã nói: “*Chỉ được thấy Di Đà, lo chi không khai ngộ!*” Được vậy thì trần tình nào vầy hãm được nữa, tam muội nào mà chẳng hiện tiền?

Hiện tại dù có trăm ngàn pháp môn, vô lượng diệu nghĩa đều bỏ chẳng dùng, chỉ có mỗi một loại linh đan nhất vị này để tặng nhau. Nếu chẳng chém đinh chặt sắt, kiệt lực chuyên trì, còn cách nào để tự cứu vớt nữa ư? Nếu cho rằng pháp trì danh công hiệu chẳng bằng tu quán thì thân tướng vi diệu của đức Phật kia các kinh luận đã rộng diễn, quán pháp sâu nhiệm, hàng sơ tâm thấp sát đất e chẳng dễ thành tựu được. Rốt cuộc chẳng bằng theo Tiểu Kinh chuyên nhất trì danh là ổn đáng hơn! Lúc trì danh liễu đạt sự - lý nhất tâm bất loạn chính là quán cảnh, cần gì phải cầu môn sâu mầu chi khác.

Tôi nghĩ lão cư sĩ mười phần chân thành, quên mình tuổi tác đã cao, ân cần hạ cố hỏi tới, nên tôi mới dám vét hết cái ngu, giải bày niềm riêng, không chút hụy kỵ gì. Xin cụ hãy xét kỹ mà quyết định thì may mắn lắm thay!

12. Cùng cư sĩ Kim Thủy Nhược luận về danh tự

Tông Thiên Thai dùng thuyết “lục tức Phật” để phân định [sự tu chứng]. Đầu tiên là “lý tánh tức Phật”, kế đến là “danh tự tức Phật”. Kể từ mới được nghe thánh giáo cho đến khi minh tâm kiến tánh đều chẳng ra ngoài địa vị “danh tự”. Vì thế biết rằng: thời gian thuộc địa vị “Danh Tự” rất dài mà ý nghĩa cũng rất sâu vô lượng.

Cư sĩ tên Thiện, tự là Thủy Nhược, nếu hiểu tên này, thấu rõ tự ấy thì đối với con đường kiến tánh thành Phật, tôi nghĩ đã đi được quá nửa. Cáo Tử nói: “*Tánh giống như nước tuôn chảy; khơi dòng về Đông thì chảy về Đông, khơi dòng sang Tây thì chảy sang Tây. Tánh người chẳng chia ra làm thiện hay bất thiện, giống như tánh nước không phân biệt Đông,*

Tây”. Lại thay! Lời Cáo Tử luận về tánh tuy chưa phải là nghĩa lý chính thống của đạo Nho, nhưng lại có phần giống với khế kinh của đức Như Lai. Tiếc là ông ta biện bác thua Mạnh Tử nên rốt cục chẳng thể trình bày rõ ràng thuyết ấy, khác nào con trùng chống chọi với gỗ vậy.

Mười pháp giới vốn là nhất tâm, nên pháp dù thiện hay chẳng thiện tánh đều sáng cả, như thường nói: “*Trong tánh có chủng tử nhiễm và tịnh*”. Vì thế, không có một pháp thế gian và xuất thế gian ở ngoài tánh được! Noi theo chủng tử tịnh nơi tánh để hành xử thì là đạo quân tử, thì được gọi là “tu thiện”. Noi theo chủng tử nhiễm trong tánh để hành xử thì thành đạo tiểu nhân, bị gọi là “tu ác”.

Sách Trung Dung nói: “*Noi theo tánh gọi là Đạo*”. Khổng Tử nói: “*Đạo chỉ có hai thứ là nhân và bất nhân mà thôi!*” Đạo không phân biệt là nhân hay bất nhân thì tánh chẳng phân biệt là thiện hay bất thiện! Nếu tánh chỉ là thiện, chẳng có bất thiện thì tam đồ ác đạo chẳng phải là do tâm tạo, há còn có thể gọi là pháp giới nữa ư? Vì thế hạng Nhất-xiển-đề dù đoạn tu thiện, nhưng chẳng đoạn tánh thiện. Nếu đoạn tánh thiện thì vĩnh viễn chẳng thể thành Phật. Chư Phật, thánh nhân chỉ đoạn tu ác, chẳng đoạn tánh ác. Nếu đoạn tánh ác thì chẳng thể thị hiện trong thế giới uế ác để chiết phục chúng sanh.

Hãy nên hiểu rõ mối quan hệ giữa tánh và tu. Đã chẳng thể lìa tánh để khởi tu, cũng chẳng được bỏ tu mà bảo là tánh! Xin dùng nước để bàn luận:

Nói về Tánh thì là tánh ướt, chảy xuống chỗ thấp, chảy sang Đông, chảy sang Tây. Còn Tu là khơi dòng sang phương Đông, khơi dòng sang phương Tây. Cư sĩ muốn tu Tịnh nghiệp há chẳng quan tâm đến danh, chẳng nghĩ đến nghĩa để hồng xét kỹ nguồn cơn, nắm vững cách tu ư?

Nếu tâm niệm niệm hướng đến tham - sân - si lâu ngày chày tháng, kéo lại chẳng được, dẫn ra chẳng xong, thì phần nhiều những thứ phát khởi nơi thân - miệng phần nhiều ứng với ác. Đây là “khơi dòng sang Đông, trọn làm người hay vật trong cõi Chấn Đán”.

Nếu tâm niệm niệm nhằm lìa ngũ dục, khẳng khẳng nghĩ đến A Di Đà Phật, mong ưa thân cận như con nhớ mẹ, chẳng bị nghiệp cảnh lôi kéo, chẳng bị làm lạc trong những nẻo ngoắt ngoéo khác thì gọi là “khơi dòng sang phương Tây, quyết định liên hoa hóa sanh gặp Phật thọ ký trong thế giới Cực Lạc”. Xét theo đó, kiến tánh thành Phật cũng là do mình quyết chí tại đâu mà thôi!

Nếu khơi dòng sang phương Tây để làm dòng nước chảy về Tây ắt sẽ chẳng hòa vào dòng nước sôi sùng sục trong tam đồ, ắt chẳng loạn tạp với nước nhân thiên khát ái, chẳng lẫn lộn với nước đục phàm phu, chẳng nhiễm nước ác ma tà, ngoại đạo, chẳng đọa dòng nước tù đọng Nhị Thừa, chẳng giống như dòng nước Quyền Thừa xa lạ, thường được nước lý tánh thấm ướt ruộng tâm.

Dùng trí thủy viên dung vạn hạnh thì chính là ở trong địa vị Danh Tự mà viên hợp tánh thủy của Như Lai. Đã viên hợp với tánh thủy bèn sẽ đổ về ao thất bảo, thành thứ nước: lắng sạch, trong mát, ngon ngọt, mềm nhẹ, nhuận trạch, an hòa, trừ hoạn, tăng ích, để rốt ráo trở thành thánh thủy tám công đức. “Chảy về Tây” đến cùng cực là thế đấy, là có thể thật sự thấu hiểu tận cùng tánh của nước như vậy đó.

Tôi cho rằng tên thật và tên tự của cư sĩ dựa theo ý nghĩa của Mạnh Tử, chứ chẳng phải dựa theo nghĩa của Cáo Tử. Nếu quyết chọn lấy thiện pháp để tu tập cho viên mãn, quyết phá bất thiện pháp, tu tập để trừ sạch bất thiện pháp thì đạo quân tử mạnh mẽ, đạo tiểu nhân tiêu mất, nhưng rốt cuộc cái đạo “chỉ ư chí thiện” chưa từng phù hợp với ý Cáo Tử, cũng chẳng hề phù hợp với ý đức Tuyên Thánh (Khổng Tử), mà cũng chẳng hề phù hợp với ý của bậc đại thánh nhân ở phương Tây; cư sĩ có nên tận lực quyết liệt như thế chẳng?

13. Kinh Thủ Lăng Nghiêm, chương Thế Chí Viên Thông

Kinh Thủ Lăng Nghiêm được nói sau kinh Pháp Hoa, thật là một bộ kinh rộng lớn sâu thẳm trong Phật pháp. Xưa kia, lúc ngài Trí Giả phán giáo, kinh này chưa truyền đến Chi Na; vì thế, Ngài phán định Pháp Hoa và Niết Bàn là pháp vị cuối cùng. Nếu Ngài một phen được thấy kinh này, ắt sẽ viết chú sớ giải thích, ắt phán định kinh này là vô thượng đề-hồ.

Cớ sao khi Tứ Y đại sĩ diệt độ rồi, các vị sớ chủ xưa nay ai nấy hưng khởi dị kiến, lâu ngày dồn nhau tranh cãi khiến cho hàng hậu học không có con mắt trạch pháp (chọn lựa pháp) chẳng biết nên theo ai, đến nỗi toan bỏ sạch các sớ giải, chỉ xem kinh văn. Đây cũng là ý kiến quá khích. Bởi lẽ dùng trí mình để tìm đọc kinh văn, đa phần chẳng thể lãnh hội được chỉ thú, nên rốt cuộc cứ mờ mờ mịt mịt mà thôi!

Thử bình tâm mà xét, há các sớ giải không có lấy một cuốn nào có điểm sở trường ư? Trong số những vị nếu không mắc lỗi sai lầm, mâu thuẫn thì lại bị mắc lỗi thô vụng, sơ sài ra, vẫn có những vị trí thức cao siêu hơn người, lại dựa vào kinh này để phát huy những lý luận mới mẻ trong tâm. Trong những bản chú giải thật sự bỏ đi ý riêng, thuận theo kinh phù hợp Phật ý thì ngoài bản sớ giải của ngài Tây Hồ Giám ra, tôi chưa thấy bản nào hay được bằng; ai bảo là người thời nay ắt hơn hẳn thời xưa ư?

Rất có thể có người trách Ngài chủ trương thái quá, hoặc chê Ngài bày vẽ quá chi li; cho dù bản sớ giải của Ngài chưa thể hoàn toàn không có điểm nào đáng chê trách, đó vẫn là bản sớ giải có công rất lớn đối với kinh này. Còn như thuyết “*bỏ thức dùng căn, chú trọng viên thông*” chính là lời chân thành của chư Phật, ai dám chẳng tin? Giáo thể phương này ai dám chẳng tuân? (14) Toan luận bàn so đo điều ấy chính là trái kinh, chống Phật vậy.

Hiện tại, các thiện hữu đã chú tâm vào Tịnh Độ, lại toan nghiên cứu kinh này thật chẳng dễ dàng. Chẳng luận đến phần trước hay phần sau, chỉ ngay trong chương Viên Thông này đã có những điểm dễ gây lầm lẫn, hiểu lầm lớn. Nếu chẳng khéo đọc, khéo hiểu thì đúng là đề-hồ biến thành độc dược cũng chẳng xa chi lắm. Há các vị chẳng từng nghe nói “trong trường thi tuyển Phật trên hội Lăng Nghiêm, ngài Quán Âm đăng khoa, ngài Thế Chí thi trượt” đó ư? Đối với thuyết ấy, nếu người tu Tịnh Độ chẳng khéo phân biệt, nhận định, sao có thể phát huy được mật ý của kinh này, sao có thể giữ cho hạnh nguyện kiên cố sau khi học xong kinh này ư?

Chỉ vì pháp môn của ngài Thế Chí chẳng phải là yếu nghĩa của kinh này nên trong bản sớ giải của ngài Tây Hồ Giám cũng có nêu nhưng chưa phát huy. Nay tôi sẽ trước là biện định về pháp, sau là nêu rõ mật ý.

a. Biện định pháp môn:

Phải biết rằng pháp thánh viên thông này thuộc về Căn Đại trong Thất Đại để nhiếp trọn sáu căn. Vì thế, nương vào sáu căn ấy để tu Niệm Phật tam muội bèn có ba thứ khác nhau: Một là niệm tự Phật, hai là niệm tha Phật, ba là niệm tự tha Phật.

- Nếu niệm tự Phật thì giống với các môn thánh viên thông khác: lấy căn tánh làm pháp môn được niệm, lấy sự quay trở về tánh lặng trong làm phương tiện năng niệm. Như kinh Ương Quật dạy: *“Nhãn căn ấy ở nơi chư Như Lai thường đầy đủ chẳng giảm, hãy nên tu cho thấy được phân minh rành rẽ... Ý căn ấy ở nơi chư Như Lai thường đầy đủ chẳng giảm, hãy nên tu tập cho biết được phân minh rành rẽ”* thì cũng giống như trong kinh này, mười phương chư Phật cùng bảo A Nan: *“Ông muốn mau chứng an lạc giải thoát tịnh tĩnh diệu thường thì chỉ do nơi sáu căn của ông, chứ chẳng phải từ vật nào khác nữa”*.

Lại như Tổ Sư nói: *“Ở trong thai gọi là thân, ở trong đời gọi là nhân, ở mắt gọi là thấy, ở tai gọi là nghe, nơi mũi phân biệt hương, nơi miệng đàm luận, nơi tay cầm nắm, nơi chân đi chuyển. Người hiểu biết bảo đó là Phật tánh, kẻ chẳng hiểu biết gọi đó là linh hồn”*, chư Tổ chỉ dạy những điều như trên rất nhiều. Môn niệm tự Phật tam muội này bao gồm hết thầy giáo nghĩa, hết thầy pháp môn trực chỉ của Thiền tông, chẳng sót chút gì.

- Nếu niệm tha Phật bèn có khác với các thánh viên thông: dùng sáu căn làm năng niệm, lấy quả Phật làm sở niệm. Dầu Pháp Thân được niệm ấy vốn cùng một thể với ta, nhưng ta không có hai thứ trang nghiêm. Chư Phật phước trí viên mãn, thành Lương Túc Tôn. Niệm quả đức của Phật chẳng sanh mỗi chán, mắt thường chiêm ngưỡng Phật, tai thường nghe lời dạy của Phật, mũi thường ngửi hương Phật, lưỡi thường xưng Phật hiệu, thân thường lễ tượng Phật, ý thường duyên theo Phật pháp. Những điều được sáu căn chuyên chú không ngoài Phật cảnh, liên tục không gián đoạn, không xen tạp như thế. Môn niệm tha Phật tam muội này bao gồm hết các kinh Di Đà, Dược Sư, Di Lạc Thượng Sanh v.v... và hết thầy nghiệp hạnh, sự tướng, pháp môn trong liên xã chẳng sót chút gì.

- Nếu niệm tự tha Phật thì vừa giống như các môn thánh viên thông khác lại vừa sai khác. Trước hết phải khai viên đốn giải, biết rõ chúng sanh và Phật giống hệt như nhau, tâm và cõi nước chẳng hai, nương nhờ y báo, chánh báo của đức Phật kia để hiển lộ tâm tánh mình. Đã chẳng mê làm ngoài tánh có Phật, mà cũng chẳng chấp cõi kia chẳng phải là tâm. Đây là chỗ “khai viên đốn giải” giống với các môn thánh viên thông khác, còn điểm khác biệt là phải nương nhờ vào cảnh xứ khác. Quán kinh nói đến phương tiện thù thắng lạ lùng, còn ở đây kinh dạy: *“Chẳng nhọc phương tiện, tự được tâm khai”* nghĩa là dùng phương tiện tối thắng, cực lạ nên chẳng cần dùng đến phương tiện nào khác nữa.

Nay đem ba thứ Niệm Phật tam muội trong Viên Đốn giáo so với bốn thứ Tịnh Độ để biện định sơ lược về công dụng nhiếp thọ chúng sanh lớn lao thì:

- Chỉ niệm tự Phật nhiếp về hai cõi Thật Báo và Tịch Quang Tịnh Độ, nhưng chỉ có thể “thụ nhập” (chứng nhập theo chiều dọc) chứ chẳng thể “hoành siêu” (siêu thoát tam giới theo chiều ngang). Môn này lại chỉ có thể độ hàng lợi căn chứ chẳng thể tiếp độ khắp các căn. Hơn nữa, môn này giống với các môn thánh viên thông khác nên chẳng thể tỏ rõ tánh cách độc dị (lạ lùng độc đáo); tựa hồ chẳng phải là bản ý nhiếp độ chúng sanh quy hướng của ngài Thế Chí.

- Nay luận về hai môn Niệm Tha Phật và Niệm Tự Tha Phật thì hành nhân thuộc hai môn này quy về Đồng Cư Tịnh Độ, lại kiêm hoành siêu các cõi Phương Tiện, Thật Báo, Tịch Quang. Vì thế, kinh văn giảng sâu xa về lợi ích cảm ứng đạo giao.

b. Hiện thị mật ý của kinh:

Chọn lựa pháp viên thông tương tự quốc gia dụng binh tuyển tướng: hoặc cử người làm tiên phong, hoặc cắt người đoạn hậu. Cử người tiên phong, cắt người đoạn hậu là chánh, các người khác chỉ là phân theo từng đội mà thôi. Việc suy cử và cắt đặt chẳng phải vô cơ mà làm.

Như trong mười tám giới, ắt trước hết là Căn, kế đến là Trần, sau cùng là Thức, đây là lệ thường; nay kinh này đặt Trần ra trước, đặt Căn tiếp theo đó. Trong sáu trần ắt trước hết là Sắc, tiếp đó là Thanh cho đến Hương, Vị, Xúc Pháp; nay kinh này nêu Thanh đầu tiên, kế đến là Sắc. Trong sáu căn chỉ nêu năm căn, xếp Nhĩ Căn vào cuối hai mươi bốn [môn Viên Thông] là vì trong phương này chân giáo thể thanh tịnh thuộc nơi nghe tiếng. Vì thế, dùng âm trần (tức thanh trần) để mở đầu, xếp Căn Nghe vào cuối cùng hồng chỉ rõ. Tuy chẳng nói toạc ra, nhưng ai đã nhận hiểu sẽ quy trọng môn viên thông nơi nhĩ căn, đó là yếu chỉ của kinh. Cách trình bày, liệt kê các pháp môn viên thông, lẽ đương nhiên phải như vậy.

Tuy pháp môn Niệm Phật cũng thích hợp với cơ nghi, chúng sanh đời mạt phải nhờ Niệm Phật để đắc độ; nhưng kinh này chỉ khuyên dùng một môn để đột nhập, hiểu rõ thẳng vào tự tánh. Nếu chọn lấy cả hai môn sẽ khiến ý kinh bị mờ nhạt đi. Nếu xếp lần pháp môn Niệm Phật vào các đội quân thường thì lại đánh mất ý chỉ được rộng khen bởi các kinh khác. Bởi thế, Phật khéo bày phương tiện suy cử, áp hậu như mật lệnh trong quân chẳng được tiết lộ.

Vì thế, trong mười tám giới, kinh rút lấy Nhĩ Căn làm viên tướng quan trọng, nhưng trong Thất Đại lại ngầm chọn Căn Đại làm trọng tướng. Thế nhưng Căn Đại vốn thuộc vào pháp môn Niệm Phật nên chẳng những không mâu thuẫn với những tông chỉ các kinh khác đã rộng khen mà cũng chẳng trái nghịch ý nghĩa của Căn được dùng trong kinh này; có thể nói vừa tốt khéo lại vừa cực mật vậy!

Thất Đại theo thứ tự là Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiên, Thức. Kiên chính là Căn Đại; Căn trước, Thức sau. Nay đặt Thức vào vị trí thứ sáu, đặt Căn Đại chót hết, cũng như xếp Nhĩ Căn ở cuối Thập Bát Giới. Thêm nữa, trong năm Đại trước, lấy Hỏa Đại làm tiên phong, xếp Địa, Thủy, Phong tiếp sau. Thế là có hai ý:

- Một là vì chúng đương cơ mắc lỗi đa dâm mà thuyết khởi giáo pháp nên dùng [hình ảnh] đa dâm chuốc lấy lửa hừng để cảnh tỉnh người đa văn trước hết phải trừ dục lậu. Vì thế kinh mới có những câu như: *“Người đa dâm [dâm ý] biến thành đống lửa cháy hừng hực”* cho đến *“biến tâm đa dâm thành lửa trí huệ”*. *“Chư Phật đặt tên cho tôi là Hỏa Đầu; tôi do sức Hỏa Quang tam muội mà thành A La Hán; nguyện làm lực sĩ đích thân hàng phục ma oán”* v.v... để nhắc nhở. Trong hết thầy kinh luật đều lấy giới Bất Sát làm đầu, kinh này lấy giới Bất Dâm làm điều quyết định đệ nhất để nhắc dạy rõ. Trong ba duyên cũng lấy Tham Dục đặt trước Trộm và Giết đều là ý này.

- Hai là đối trị trọng chướng cho đời Mạt, bởi lẽ phiền não tuy nhiều, nhưng chỉ có dâm dục là căn bản sanh tử, là pháp gây chướng ngại vãng sanh nhất. Vì thế, Phật dạy phàm phu quán lửa dâm trong thân chính là chân hỏa Như Lai Tạng, tánh nó là không, do nghiệp phát hiện. Quán sâu đắc ngộ, lửa dâm ấy thành trí huệ quang, chẳng những không chướng ngại vãng sanh mà còn hỗ trợ hành nhân vượt lên thượng thượng phẩm. Bởi thế, kinh Tịnh Danh khen ngợi dâm - nô - si bởi thể tánh của chúng chính là Tạng tánh, nhưng công dụng nhiệm - tịnh của chúng giống như ngựa - úp bàn tay. Vì thế, ngài Hỏa Đầu được nêu đầu tiên [trong

số thánh chúng trần thuật pháp viên thông về thất đại]; cũng như ngài Trần Na [đứng đầu] trong thập bát giới.

Xin hãy xem kỹ [phần kinh văn tường thuật pháp viên thông của] các thánh giả, trừ hai vị trọng tướng tiên phong kê trên ra, các vị khác đều y theo thứ tự thường lệ chẳng xáo trộn; đủ thấy khi hai mươi lăm thánh giả từ chỗ ngồi đứng lên, lúc các đại đệ tử kết tập, mỗi một oai nghi, một hành động đứng ngồi đều có thâm ý, đều phù hợp giáo nghĩa. Dùng cái tâm thô phù há có thể lãnh hội được chăng?

Vậy thì há có phải là Quán Âm riêng chiếm bảng vàng, Thế Chí hoàn toàn thi trượt ư? Chỉ là Quán Âm là được tuyên rõ ràng, còn Thế Chí thì được ngầm tuyên. Rõ ràng là vì chú trọng riêng vào một căn viên đốn nên tuyên rõ [Nhĩ căn]; vì tổng nhiếp các căn khác nên ngầm tuyên [pháp Niệm Phật]. Vì giáo thể phương này nên tuyên rõ, vì cõi này có duyên [với Phật A Di Đà] nên ngầm tuyên. Có ích chung cho các đương cơ và chúng sanh khi đức Phật và chánh pháp còn hiện hữu nên tuyên rõ, có ích riêng cho chúng sanh đời ác lúc pháp diệt, chẳng được thấy Phật nên ngầm tuyên. Bảng hổ nêu cao ai nấy đều biết; áo đỏ (16) chấm điểm ngầm nào ai biết đến. Vì thế mới nói: “*Có điểm gậy lâm lâm, hiểu lâm lâm, phải khéo đọc, khéo hiểu*”.

Nếu có kẻ bảo: “Đã là mật ý, tiết lộ sao được? Trường thi tuyên Phật Lăng Nghiêm yết bảng đã hơn hai ngàn năm rồi! Nếu lúc ấy chẳng soi toang được mật nghĩa, làm sao dùng được?” Hoặc có kẻ vặn: “Nếu là đúng như lời ông nói thì lúc ngài Văn Thù nói kệ chọn lựa, lý nào Ngài cũng chẳng biết mật ý, lẽ đâu chẳng tuân theo lệ trên chọn hết tất cả ư?”

Thưa: “Chư thánh khi tự trình viên thông đều nói là đệ nhất, nên phải mượn cách nâng lên, ép xuống để khéo chỉ mật cơ. Nếu lúc Ngài vâng lệnh Phật tuyên chọn cứ một mực y theo lệ trên thì làm sao thành mật nghĩa cho được vì Thanh Trần và Hỏa Đại vẫn theo như thứ tự thường lệ. Nếu hai môn này (thanh trần và hỏa đại) chẳng được dùng với ý đồ giúp hiển thị điều kinh muốn chú trọng thì sẽ chẳng được làm cho nổi bật lên như thế. Ngay như pháp môn của ngài Thế Chí, theo mạch văn trường hàng bèn nằm sau phần nói về Thức Đại, thành pháp cuối cùng trong hai mươi bốn môn [viên thông] cũng là chẳng tuân theo thứ tự.

Phật đã dạy chọn lấy một môn, sao Ngài Văn Thù chẳng chọn lấy môn của ngài Thế Chí? Xem lời Ngài phê bình [pháp viên thông của ngài Thế Chí] cũng khác với chư thánh, Ngài chỉ nói: “*Nay cảm nhân quả khác nhau, làm sao đạt viên thông?*” Ý nói: Dù nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, nhưng cái niệm tiếp nối ấy thuộc về Hành Uẩn đời dơi, cũng là pháp sanh diệt; nhưng dùng đây làm cái nhân để vãng sanh thấy Phật, ai bảo là không được! Nay muốn chứng viên thông bất sanh diệt ngay trong hiện tại thì nhân quả chẳng phù hợp, làm sao đạt được? Lời phê phán ấy nhắm vào việc chứng đạt viên thông trong hiện tại, chứ không luận về lợi ích sau khi vãng sanh.

Ngoài ra, chư thánh chỉ niệm Tự Phật là thuộc về Hiện Tu Quán Chứng nên ngài Văn Thù gạt bỏ hoàn toàn vì những pháp ấy chẳng phù hợp với cơ nghi cõi này, chẳng xứng hợp giáo thể phương này. Ai có chí tu chứng cũng nên nhân đây suy nghĩ kỹ càng.

Đây là vì những người tín lực chưa kiên cố mà nói, còn nếu ai tin tưởng Tịnh Độ sâu xa thì dù kinh Lăng Nghiêm chỉ chê mình ngài Thế Chí, kẻ ấy cũng chẳng ngờ vực gì. Vì sao vậy? Vì các kinh đều rộng khen ngợi như “công đức chẳng thể nghĩ bàn”, hoặc “pháp thế gian khó tin”, hoặc “hết thầy chư Phật hộ niệm”, hoặc “vô thượng thâm diệu thiên”, hoặc

“phương tiện thù thắng lạ lùng”, hoặc “vua các tam muội”, nhiều chỗ khen ngợi tột bậc như thế. Đã chẳng sanh lòng tin thì nếu chỉ có một chỗ chê bai sao liền nảy lòng ngờ?

Huống hồ kinh đây chẳng những không chê pháp này mà lại còn dạy pháp này là pháp tuyền ngàm nữa ư? Tiếc là chúng sanh đời mạt độc kinh này đã chẳng thể tuân lời dạy từ Nhĩ căn thâm nhập để chứng viên thông ngay trong hiện đời, lại còn ưa khởi nghi hoặc đối với pháp môn Niệm Phật, thậm chí phá hoại lòng tin trong sạch, chướng ngại thiện hạnh của người khác. Kẻ trí mỏng phước ít phần nhiều quen thói như thế. Vì thế, tôi nay phải ước pháp, nương kinh để biện bạch, phân tích, chẳng hề biết là lời lẽ dài dòng, rậm rịt, cũng là chuyện bất đắc dĩ thôi!

14. Giảng nghĩa chữ “Lữ Tam”

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói: *“Ba cõi không an, giống như nhà lửa, nếu tham đắm sanh lòng yêu mến sẽ bị nó thiêu đốt”*. Vì thế, trước hết đức Phật Thế Tôn dùng phương tiện khuyên dụ dẫn cho ra khỏi bờ trong căn nhà ấy, các khổ đầy đầy, khó thể sống yên. Trong Tịnh Tín Tập, đại sư Ngẫu Ích viết: *“Chân tánh tịch quang bị ngũ trụ trần lao che lấp nên hết thấy hàm thức ít khi ở yên. Dù là các cõi Tứ Thiên, Tứ Không và cõi Phương Tiện cũng thuộc nơi tạm ghé trong khi rong ruổi (lữ bạc)”*.

Cái nghĩa chữ “lữ” lớn lao thay! Chữ “lữ” chỉ người rong ruổi đường xa tạm nghỉ quán trọ. Kẻ lữ thứ phải có bạn, cũng phải có nơi [ở trọ], cũng phải có nghiệp riêng. Nay nhìn khắp tam giới hết như một cuộc lữ du, nhưng mỗi người một nghiệp khác nhau. Bốn nghiệp đã khác nên nơi chôn và bầu bạn cũng khác.

Buồn thay! Từ khi có thức đến nay, đã trải trần sa kiếp (17), xương chất như núi Phú La, uổng sữa quá biển cả. Trong khoảng thời gian ấy, tình trạng lênh dên, nổi khổ trôi giạt chẳng thể nói xiết. Có lúc làm bầu bạn cùng chúng tánh địa ngục, lấy ác nghịch làm gốc nên các ngục Hữu Giới, Vô Giới là chốn trọ. Có lúc với những kẻ trong đường quý làm bạn, lấy keo tham làm gốc nên núi hoang, đầm trũng là chốn trọ. Có lúc bầu bạn cùng súc sanh, lấy ngu si làm gốc nên trên cạn, dưới nước, trên không là chốn trọ. Có lúc bầu bạn cùng Tu-la, lấy sân mạn làm gốc nên Tu Di, biển cả là chốn trọ. Có lúc lấy bầu bạn cùng loài người, lấy cương thường làm gốc nên các nước trong bốn châu là chốn trọ. Có lúc bầu bạn với chư Thiên cõi dục, lấy giới thiện làm gốc nên các tầng trời Địa Cư, Không Cư là chốn trọ. Có lúc bầu bạn cùng trời Sắc Giới, Vô Sắc Giới, lấy thiền-định làm gốc nên Tứ Thiên, Tứ Không là chốn trọ.

Ở trọ chốn nào bèn cháp vào chốn ấy chẳng biết là quán trọ. Than ôi! Giác mộng quê xưa hãy còn mơ hồ, tạm dung nơi đất khách há là rốt ráo? Chẳng gởi thân nơi An Dưỡng để hoành siêu, chẳng ngộ Tịch Quang để triệt thượng (thấu suốt theo chiều dọc), há có thể vượt khỏi cái nghĩa chữ “lữ” ư?

Cư sĩ Uông Nhuận ở kinh đô, pháp danh Tánh Tịnh, biệt tự Lữ Tam, xa nhà du học đã lâu. Về già sống ở Cầm Xuyên, có cậu con trưởng khéo quán xuyến việc nhà nên cư sĩ chẳng bị việc nhà phiền nhiễu, tuy nhà cao cửa rộng đáng để dưỡng già, nhưng cư sĩ coi như đồ bỏ, coi như ở nhờ. Cư sĩ luôn trường trai thờ Phật, giữ lòng đạm bạc, vô dục, luôn khăng khăng tu trì, hỏi đạo. Niên hiệu Khang Hy, nhằm ngày mùng Một giữa Thu năm Ất Mão, chính là ngày tròn bảy mươi tuổi, các thân hữu cố cựu tranh nhau soạn văn để chúc mừng, làm thơ để ca tụng, cư sĩ đều cảm tạ nhưng chẳng xem, có xem cũng chẳng đọc kỹ, bảo: “Chỉ tổ gây

chương ngại cho tai mắt mà thôi! Dùng lời tâng bốc làm ô danh tôi! Nếu ai tặng tôi pháp ngữ, lòng tôi mới thỏa”.

Họ bèn xin tôi giảng ý nghĩa chữ Lữ Tam. Tôi nghĩ rằng: cư sĩ đã từng lữ du trong tam giới, ông là bậc lữ du lão thành, há chẳng phải đã từng trôi nổi từ kinh đô đến Chăm Áp đấy ư? Tôi trộm nghĩ người họ hàng cùng quê với cư sĩ, đa phần thâm góp vật lạ đi buôn bán khắp bốn phương. Đối với chữ Lữ, họ chỉ đạt được mỗi lợi chứ chưa hiểu cùng tột cái nghĩa. Nay cư sĩ lữ du trong ấy, giả sử có ai bảo cho cái mưu đốt biển của Y Sinh, hiển cái kế xé núi của họ Quách, tôi biết chắc cư sĩ sẽ bịt tai bỏ đi.

Chỉ có mỗi kỳ chúc thọ thất tuần ấy, ông mới có thể khước từ chén rượu mừng của bè bạn, chẳng bận tâm sắp đặt cỗ bàn, [nhưng điều đó] chẳng thể ngăn ông hỏi tôi về đường lối khô khao, đạu bạc, tịch tịch, bàn bạc cùng tôi về ý chỉ khác đời, trái tục, có thể nói là: lòng tinh thuần chân thành chưa tan, tánh chất phác vẫn còn, [như vậy] đã gần với đạo chưa? Xin thưa: vẫn chưa! Đã nói là “Lữ Tam” thì hết thấy pháp quy về Lữ, nhưng không có pháp nào qua được Lữ. Nghĩa là:

- Gặp đâu chấp đó, chẳng biết nó là tạm bợ. Đây là Lý Tánh Lữ.

- Hiểu rõ tam giới giống như quán trọ; bốn nghiệp, bầu bạn, nơi chốn mỗi mỗi sai khác. Đây là Danh Tự Lữ.

- Biết tam giới chẳng phải là nhà, chẳng trụ, chẳng chấp vào cảnh thô tẻ, chẳng sanh tham luyến. Đây là Quán Hạnh Lữ.

- Phương tiện chiết phục khách trần phiền não, giấc mộng lữ thứ dài dằng dặc mừng tượng sắp tỉnh. Đây là Tương Tự Lữ.

- Chẳng lia pháp giới, nương gởi trần hoàn, xót kẻ lữ thứ tận lực cứu tế. Đây là Phần Chứng Lữ.

- Trong căn nhà mục nát, cũ kỹ thuộc về một người này (17), ta thường ở trong ấy thuyết pháp, giáo hóa. Lúc lửa lớn thiêu đốt, ta ở trong cõi này an ổn. Đây là Cứu Cảnh Lữ.

Nếu chẳng hiểu được nghĩa này sẽ ngộ nhận trạm đưa thư, chời truyền tin là quê nhà, mọi chuyện mưu cầu không chuyện nào chẳng phải là việc trong nhà lửa! Hoặc lại sợ nẻo đường lữ thứ lắm nỗi khổ nạn, lắm phen bần khoản đi không trở lại, khiến cho tứ sanh cùng hôn mê trong sáu nẻo còn biết nhờ vào đâu? Nếu như vậy thì đều là chẳng đúng với ý nghĩa chữ Lữ vậy.

Hiện tại, cư sĩ chỉ nên lấy An Dưỡng làm chốn nương nấu, đừng suốt đời cam phận lữ khách. Nếu như hoa nở thấy Phật, chứng đắc chân thường, lại đoái tưởng Sa Bà, trở vào tạm ngụ để cứu giúp chúng bạn, khuyên dụ quần mê, lại còn phân thân ứng tích trong phương xa cõi khác, ra vào tam giới chẳng chán mệt. Đây là bậc Cứu Cảnh Lữ thì mới khỏi uổng cái ý nghĩa đặt tự cho cư sĩ vậy.

15. Phép quán tướng bạch hào của Phật

Kinh Quán Vô Lượng Thọ dạy: “*Nếu muốn sanh Tây Phương nên quán tượng [Phật] một trượng sáu trên mặt nước ao*”. Kinh lại dạy: “*Thân tướng rất nhiều chẳng thể quán trọn*”

thì nên khởi đầu từ một tướng, nghĩa là chuyên quán một tướng bạch hào. Đợi đến khi quán [tướng ấy] thành thực thì các tướng khác tự nhiên hiển hiện”.

Bạch hào dài một trượng năm thước, chu vi năm tấc. Phía ngoài có tám cạnh, bên trong rỗng thông, tựa tựa như ống lưu ly, nằm giữa hai mày, biểu thị Trung Đạo; uyển chuyển xoay theo chiều phải trắng như kha tuyết, sáng sạch rục rờ soi tỏ thân vàng. Lúc tướng tướng ấy nên giữ cho tâm kiên cố. Nếu tâm hôn mê tán loạn thì hãy chế ngự cho tâm minh tịnh; bởi lẽ minh sẽ chẳng hôn mê, tịnh sẽ chẳng tán loạn.

Nên biết rằng minh tịnh là hiệu quả của Chỉ Quán, là thể của Định Huệ, mà cũng chính là bản thể của tâm. Chỉ Quán là công phu, Định Huệ là nhân hạnh. Minh tịnh là hiệu quả của việc dụng công. Minh tịnh đến cùng cực sẽ nhanh chóng khế hợp bản thể. Nếu đạt đến quả vị cùng cực sẽ thành hai thứ phước trí trang nghiêm.

Nay thân tâm tịch định là Chỉ, quán tướng bạch hào của Phật là Quán. Tướng bạch hào rành rẽ là Minh. Giữ vững chẳng rộng là Tịnh. Đây là nhờ đến thân tướng của Phật để hun đúc tâm tánh của mình; nếu quán trí thành tựu sẽ tự nhiên hiển hiện, chính là nghĩa ấy. Nhưng muốn tu pháp quán này phải thấu rõ “vạn pháp duy tâm”. Kinh nói:

Tâm như công họa sư,
Tạo chủng chủng ngũ âm,
Nhất thiết thế gian trung,
Mạc bất tùng tâm tạo.

(Tạm dịch:

Tâm như thợ vẽ khéo,
Tạo bao thứ ngũ âm,
Trong hết thủy thế gian,
Không chi chẳng tâm tạo).

Vì thế biết rằng tướng bạch hào của Phật Di Đà tâm ta sẵn có, trong định hiện ra [tướng ấy] cũng là do tâm ta tạo ra. Tâm này làm thành tướng bạch hào, tâm này là tướng bạch hào, chẳng từ cái gì khác mà có, chẳng từ bên ngoài đến. Liều đạt như thế mới gọi là “tu quán đúng pháp”.

Nói chung, cái quán trí để quán là Nhất Tâm Tam Quán, cái tướng bạch hào được quán là Nhất Cảnh Tam Đế. Vì sao vậy? Trong Định, hào tướng tuy hiện ra trước, nhưng đều do nhân duyên tướng niệm, không có tánh tướng thật. Đây là pháp sanh bởi nhân duyên, pháp vốn không có tự tánh, không tha tánh, không cộng tánh, không nhân duyên tánh. Do bốn tánh đều không nên không có thật tánh; nhưng tướng bạch hào sanh bởi tướng niệm ấy chẳng phải chỉ là tướng không tánh, mà cũng nào có khác chi như bóng trong gương, như bóng trắng in nước nên chẳng có tướng thật.

Do tánh lẫn tướng chẳng thật nên nó vừa là không, vừa là chân. Do theo niệm mà thấy được nên nó chính là Giả, là Tục. Do là Giả, là Tục nên nó chẳng phải là chân không. Do nó chính là chân, chính là không nên chẳng phải là Tục, là Giả. Đây chính là một niệm “tác - thị” (làm - là: “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”) vừa che lấp, vừa chiếu soi, là “tức” là “phỉ”, là “tức” mà chẳng phải là “tức”. Vì thế đây là quán cảnh trung đạo tam nhất viên dung chẳng thể nghĩ bàn (19). Từ các Đế phát khởi Quán, Quán chiếu ngược lại Đế. Cảnh - Quán chẳng hai vì chỉ là nhất tâm. Cổ đức có bài tụng rằng:

*Cảnh vi diệu giả, quán vi không,
Quán cảnh song vong tức thị Trung.
Vong chiếu hà tăng hữu tiền hậu.
Nhất tâm dung tuyệt liễu vô tung.*

Bài tụng này chỉ nói đại lược nên tôi phải giải thích đại lược ý nghĩa:

- Cảnh là diệu giả nên Trung và Không cũng phải gộp trong ấy; nếu chẳng gộp vào đây, sao gọi là “diệu” được? Nói “quán vi không” (quán là không) là ám chỉ Diệu Không, mà Trung và Giả cũng phải bao hàm trong cái Không đó.

- Nói “quán cảnh song vong” là gộp cả ý “song chiếu” vào trong đó. “Song vong” tức là chẳng phải Không, chẳng phải Giả; “song chiếu” là vừa Không, vừa Giả. Do chẳng chấp vào hai bên mà cũng chẳng lìa hai bên (Không và Giả) nên “tức thị Trung” (chính là Trung Đạo).

- Hai câu tiếp đó ý nói: Vong và chiếu đồng thời (“Vong chiếu hà tăng hữu tiền hậu”: Vong và chiếu chưa hề có trước sau) nên nhất tâm viên dung, tuyệt đối đãi. Đó là vì cảnh tuy có ba (Không - Giả - Trung) nhưng thuộc về cảnh bị quán (sở quán chi cảnh) nên gọi là “diệu giả”. Giả quán tuy cũng gồm đủ ba thứ nhưng thuộc về Năng Quán nên gọi là Diệu Không. Cảnh và Quán tuy mỗi thứ đều có đủ ba thứ nhưng đã dùng đến phép diệu quán “song vong song chiếu”, ngầm khế hợp diệu cảnh “song phi song tức” (cả hai đều “chẳng phải là”, nhưng cả hai cũng đều “chính là”) nên chỉ là Diệu Trung. Do vậy, nêu một chính là ba, nói ba chính là một, ba và một chẳng tương đồng, nhưng ba và ba chẳng phải là khác. Chẳng thể dùng ý thức, suy lường, chẳng thể dùng danh từ, ngôn ngữ hòng phân biệt được nên nói là: “*Vong chiếu chưa từng có trước sau! Nhất tâm dung tuyệt vô tằm tích!*”

Dùng bốn câu này để thâm tóm trọn không còn sót diệu lý cảnh - quán viên dung. [Lãnh hội được] bài kệ màu nhiệm này còn hơn đọc cả trăm quyển sách của tông Thiên Thai. Nếu chẳng hiểu rõ nhất tâm, dù có quen thuộc với giáo lý Thiên Thai sợ rằng chẳng dễ thấu hiểu được nổi bài kệ này. Kinh dạy: “*Chỉ nghe đến tên gọi của tướng bạch hào còn diệt được vô lượng tội, huống hồ là đúng như pháp mà hệ niệm*”.

Đức Thích Ca Như Lai kim khẩu truyền dạy, ngài Thiên Thai Trí Giả khuyên dạy chuyên tu. Cận đại, chỉ có mỗi U Khê Đại Sư là thường tu phép quán này. Nay tịnh nghiệp hành nhân nếu có thể nhất tâm trì danh vãng sanh lại kiêm tu diệu quán thì phẩm vị vãng sanh ắt là phải cao, nhưng nếu chẳng phải là hàng lợi căn thượng thượng thì đừng gắng gượng thực hành.

16. Quy củ tu tập của Phật thất “nhất tâm tinh tấn niệm Phật”

Tịnh nghiệp tỳ kheo Hành Sách ở Phổ Nhân Viện thuộc Ngũ Sơn chế lập

*** Sự lệ (quy cách kết thất)**

Chọn nơi thanh tịch, rộng rãi làm Phật đường. Trong Phật đường thờ thánh tượng Di Đà, treo các phan đẹp, thấp đèn, đốt nhang suốt bảy ngày chẳng dứt. Chỉ dùng hương và ánh sáng để trang nghiêm đúng pháp cúng dường, chẳng dùng đến các món thức ăn, trái cây, tán vịnh, âm nhạc v.v...

Hai bên bày một cái bàn dài; cũng dùng lư hương, đồ cúng để trang hoàng. Phía ngoài mỗi bàn bày bốn cái tọa ỷ. Chính giữa, ngay trước tượng Phật bày một cái bàn dài, kê sao cho ngang hàng với hai cái bàn ở hai bên. Mỗi bàn cách nhau chừng một hai thước để ra vào được. Trên bàn bày một đạo số văn, một bộ lư lớn, hoa, đèn, vật cúng sao cho tương xứng. Trước bàn, bày bốn cái bồ đoàn. Hai bên phía gần tường, nếu không có giường thiền thì bày nhiều tòa ngò để cho hành nhân lúc theo ban của mình lui ra sẽ ngò đó.

[Trong số] những bạn đồng hạnh tịnh nghiệp chọn lấy 12 người, chia làm ba ban, mỗi ban bốn người. Người ngò vị trí đầu [trong ban] gõ dẫn khánh để ghi nhớ Phật hiệu; lấy ngàn câu niệm làm chừng. Người ngò kế gõ mõ; hai người còn lại tuần sát, thấy ai hôn trầm tán loạn bèn cảnh tỉnh.

Ban ở chính giữa hướng thẳng về đức Phật là ban thứ nhất. Người thứ nhất ngò gần phía Tây là trưởng ban, chính là Thất Chủ. Ban bên phải ngò hướng mặt về phía Đông là ban thứ hai, người ngò gần phía trên nhất là trưởng ban. Ban bên trái ngò hướng về Tây là ban thứ ba, người ngò gần phía dưới nhất là trưởng ban. Trên hai cái bàn dài thượng, hạ đặt trước đức Phật, mỗi bàn đều đặt một bộ dẫn khánh và mõ nhỏ, dùng xong lại đặt trên bàn.

Việc sắp đặt điện đường dành cho Phật thất nên chuẩn bị chu đáo ngay từ ngày hôm trước ngày khai thất. Tăng, tục tham dự Phật thất cũng nên tụ tập đến từ ngày hôm trước. Tắm gội xong nên thỉnh Chủ Thất Sư phân ban, quy định chỗ ngò, chỉ dạy diễn tập: mỗi ban nhiều Phật niệm trăm câu, lại trở về chỗ ngồi ban. Trong khi đang đi nhiễu, đột nhiên đánh sáu tiếng mõ lớn để thay cho tiếng bang (20) báo giờ ăn. Ba ban đứng pháp ra khỏi Phật đường, đến trai đường nhiễu niệm, ngưng mõ, đánh tiếp mộc bản. Đánh mộc bản xong liền niệm Phật, trở về Phật đường đi xoay vòng trở về chỗ mình ngò.

Chỉ dạy mình bạch mỗi việc cho đại chúng hiểu rành rẽ vì trong khi kết thất cấm nói, chẳng tiện chỉ dạy nên cần phải diễn tập trước. Tập xong, ai nấy tự chí thành lễ Phật, cầu Phật gia bị khiến cho mọi việc trong bảy ngày bảy đêm đều được hoàn thành, chẳng bị nội ma ngoại chướng khởi lên. Xong xuôi nên đi nghỉ sớm để khỏi đến nỗi bị mệt nhọc.

Ngày thứ nhất, canh năm, gióng chuông báo thức, đại chúng thức dậy rửa ráy, súc miệng xong xuôi, dùng cháo lót dạ, lên Phật đường. Chủ Thất Sư gõ dẫn khánh, lễ Phật ba lạy, mọi người đứng yên vào chỗ mình, cử bài Hương Tán, tụng kinh A Di Đà, tiếng tụng kinh nên hòa hoãn. Tụng chú Vãng Sanh ba biến, xướng bài kệ Tán Phật rồi xưng danh hiệu Phật. Ban ngò chính giữa đánh hai tiếng khánh, xá rồi nhiễu Phật. Hai ban tả hữu ngò ngay ngắn niệm thầm theo. Kẻ hôn trầm tán loạn nặng nề thì khê động môi răng để khỏi bị quên lửng, gián đoạn hay bị lạc vào tánh hôn trầm vô ký. Người tinh thần sáng sủa thì nên nhắm mắt tịnh lự, nhất tâm duyên theo Phật khiến cho Phật hiệu trong tâm rõ ràng như được xâu thành chuỗi, chẳng gián đoạn, chẳng tạp.

Ban đầu tiên nhiễu Phật xong, đứng xuống phía dưới, niệm đến chữ Đà đánh một tiếng khánh. Ban thứ hai liền từ chỗ ngò đứng dậy, thông thả ra khỏi vị trí, đứng thành một hàng bên bàn Phật. Ban đầu tiên lại gõ một tiếng khánh; sau bốn năm câu niệm Phật, lại gõ liền hai tiếng khánh ở chữ Đà và chữ Phật, ngừng niệm, hướng về Phật bái xá, rồi ngò vào các tòa trống ở bên phải.

Ban thứ hai liền niệm Phật tiếp theo, bái xá, đi nhiễu giống như trên. Niệm Phật xong lại đứng ở phía trên, gõ ba tiếng khánh. Ban cuối cùng liền đứng dậy, ra khỏi chỗ ngò, đứng

vào phía dưới niệm Phật tiếp, đi nhiều giống hệt như cách thức của ban trước. Ban thứ hai liền lui về ngòai nơi các tòa trống ở bên trái, im lặng duyên theo Phật hiệu.

Ba ban niệm Phật như thế, hết lượt lại trở lại từ đầu; từ sáng đến tối tiếng niệm Phật chẳng dứt. Mỗi phen xưng niệm một ngàn câu xong lại mặc niệm hai ngàn câu, đi kinh hành niệm Phật ngàn câu, an tọa niệm Phật một ngàn câu để thân, miệng chẳng mệt mỏi, sự gắng sức và nhàn nhã được quân bình. Hết nhiều Phật xong, thấy không có mõ nhỏ đặt ở cạnh bàn mới được trở về chỗ ngòai để thứ lớp hoàn toàn không bị lầm lạc. Ngoài mười hai người ra, chẳng cần biết là tăng, tục nhiều ít cũng chia thành ba ban, đi thì cùng đi, ngòai thì cùng ngòai.

Trai đường bày biện theo vòng tròn, ba mặt kê bàn nối nhau, chỉ trừ phương dưới và chính giữa là để trống đôi chút để ban hành đường ra vào. Bốn phía chỗ gần tường đều kê sao cho đi nhiều được. Ngoài ba bữa cháo ra, trước ngòai ăn thêm một bữa; chỉ có hai bát thức ăn, hai người ăn chung. Mỗi bữa, dọn cơm xong, đánh sáu tiếng bang (biểu thị Nam Mô A Di Đà Phật).

Trong Phật đường khi nghe tiếng bang thì bất luận ban nào [đang xưng niệm] cũng [tiếp tục] nhiều niệm như thường. Đến bàn đặt sớ, trưởng ban đặt xâu chuỗi lên bàn, cầm dẫn khánh đánh hai tiếng, bái xá (Nếu lúc này tiếng niệm Phật quá nhanh thì ngay lúc này đổi nhịp mõ loe hơn). Hai ban tả hữu đứng dậy, đồng thanh xưng niệm. Trưởng ban cầm dẫn khánh, theo lối đi chính giữa hướng về Phật đi nhiều, theo đường giữa ra khỏi Phật đường. Nếu ban đầu tiên dẫn trước thì các ban còn lại nối theo sau. Đợi cho tất cả tăng, tục thuộc ban ấy đi hết, ban kế đó mới được đi tiếp theo. Nếu ban thứ hai ở trước thì ban thứ ba đi tiếp theo đó, ban đầu tiên đi cuối cùng. Nếu ban đầu tiên dẫn đầu thì ban đầu tiên đi tiếp theo đó, ban thứ hai đi sau cùng, chẳng được vượt lên làm loạn thứ tự.

Đến trai đường, hữu nhiều một vòng đợi cho ban cuối cùng đến trai đường xong, trưởng ban liền đánh một tiếng khánh, dứt mõ, ngưng niệm Phật, ai nấy tùy chỗ mình đã đi đến đâu mà ngòai vào đó, chẳng được đùn đẩy kẻ trước người sau, hoặc tách ra khỏi vị trí. Ngòai đầu ăn ở đó, chẳng dùng đến các pháp tác bái xá, niệm tụng, Xuất Sanh v.v... Cạnh đó, treo một tấm bản và dùi, sai một Sa Di đứng sẵn cạnh đó, chờ khi tiếng mõ nhỏ vừa dứt, liền đánh bản niệm Phật, mỗi tiếng đánh hai tiếng bản. Đại chúng trong lúc ăn nhất tâm duyên theo Phật hiệu, chẳng được phóng dật trong khoảnh khắc.

Ăn xong, trưởng ban đánh một tiếng khánh ngay chữ Nam, Sa Di liền đánh liền hai tiếng bản ngay chữ Đà Phật để kết thúc. Đại chúng ra khỏi chỗ cũng chẳng bái xá, liền cất tiếng niệm Phật hữu nhiều trở về Phật đường, nhất loạt theo như thứ tự trước. Trưởng ban đến đứng tại chỗ của mình, đánh hai tiếng khánh, bái xá, đặt khánh lên bàn, cầm lấy xâu chuỗi nhiều Phật, các ban khác trở về ngòai chỗ cũ. Những người thuộc tả ban ngoảnh mặt về Tây nên đi thuận chiều đến bên bàn, từ vị trí cuối mà tiến lên, đừng đi xộc thẳng vào, đừng đi ngược chiều. Phạm khi trở về chỗ hay lúc xuất ban và người có việc phải ra vào đều nên đi an tường thông thả, chẳng được hấp tấp rảo bước.

Đến đêm, trời vừa hoàng hôn, trên bàn đặt sớ cũng thấp đuốc lớn. Từ đây trở đi, mỗi ban hai lượt đi nhiều niệm Phật sáu ngàn tiếng; đợi đến lúc ban cuối đi nhiều niệm Phật, Thát Chủ ra khỏi chỗ mình, đánh một tiếng khánh. Đại chúng cùng đứng dậy đồng thanh nhiều niệm; chẳng cần biết đến thứ tự của tăng tục của ba ban. Ước chừng vài mươi vòng xong, Thát Chủ đứng ngay chính giữa ở phương dưới, hướng về Phật, đánh ba tiếng khánh, gõ dòn mõ nhỏ một hồi, ngưng niệm Phật. Đại chúng cùng hướng về Phật, đánh dẫn khánh, cùng niệm bài phát nguyện như sau:

Đệ tử chúng con chí tâm phát nguyện:

Nguyện lúc lâm chung tâm chẳng loạn

Chánh niệm sanh thẳng về An Dưỡng

Gặp gỡ Di Đà cùng thánh chúng

Tu hành Thập Địa vui thường hằng

Ba chữ cuối đánh thông thả ba tiếng khánh, lễ Phật ba lạy, trở về “đơn” để ngủ. Lúc ấy, mọi người nên gìn giữ ba nghiệp, ngủ trong chánh niệm, chẳng được làm chuyện khác, nói gì khác, khởi lên tạp tưởng khác. Cũng chẳng được lễ vị Phật nào khác, tụng kinh, chú khác, dù có hằng khóa trọn đời chẳng khuyết cũng đều đình chỉ, sau bảy ngày sẽ hành trì bù lại. Vì nếu để gián đoạn, xen tạp thì còn đáng được gọi là bảy ngày trì danh nhất tâm bất loạn nữa ư?

Sau khi đại chúng đã ngủ, lúc hai cây quan hương sắp tàn, vị Hương Đăng Sư (người trông coi nhang đèn) nên bảo nhà bếp sắp sẵn nước rửa mặt, cháo lót dạ, rồi đánh chuông báo thức. Từ đây, trong sáu ngày sau, vào Phật đường lễ Phật xong, liền đọc ngay bài Tán Phật, chẳng tụng kinh chú, những điều khác đều giống như ngày đầu tiên.

Trong kỳ kết thất, nên thỉnh hai người làm Hộ Thất Sư để làm bậc ngoại hộ, khuyên tăng, tục tùy hỷ chớ vào Phật đường, ngoại trừ người chuyên vì niệm Phật mà đến bèn dẫn vào lễ Phật ba lạy, ghép vào ban đang nhiều niệm, hoặc ghép vào hai ban tả hữu đợi đến phiên, chẳng được xúm xít trò chuyện. Nếu kỳ hạn chưa mãn mà đã muốn đi thì lễ Phật đi ra, chẳng cần phải từ biệt đại chúng. Tăng, tục đã đến trước lúc kết thất, phát nguyện dự trọn đủ bảy ngày thì phải dự hết một kỳ, chẳng theo lệ như người tùy hỷ.

Nếu như người tuổi cao có bệnh, sức khó gắng gượng nổi thì có thể ngâm báo với Hộ Thất Sư, xin viết thiệp chuyển đạt cho Thất Chủ, hoặc lúc đi kinh hành thì ngồi một chốc, hoặc đêm xuống đi ngủ sớm, đó là phương tiện phá cách vậy. Kế đó, cắt đặt một người làm Giám Trục Sư, trong chúng kẻ nào trái nghịch ước định liền nêu tên ghi phạt, chẳng được bỏ qua. Kế đến cử một người làm Hương Đăng và hai người hành giả. Hương Đăng trông nom hương, lửa, đèn đuốc, nến lụn thì cắt bắc, hương hết thì thắp hương mới; khi đại chúng phó trai thì giữ Phật đường chẳng ra, khi đại chúng ngủ nghỉ thì trông hương định giờ ngủ. Cần phải sắp đặt bậc lão thành vào vai trò này. Nếu mệt mỏi thì có thể cùng Giám Trục Sư chia phiên ngủ nghỉ, chẳng được để lỡ việc khiến đại chúng bị lầm lạc.

Hai người Hành Giả lo liệu trà nước, tắm rửa v.v... Trước giờ ngọ dọn trà hai lần, sau giờ Ngọ chẳng kể mấy lần, đêm xuống lại dọn trà một lần. Mỗi khi dọn trà xong, liền thu lấy chén tách rửa sạch, đợi đến khi ban nhiều niệm ngồi yên lại châm thêm. Phàm là chậu, nước, giặt rửa, nếu đại chúng cần đến đều nên tận tâm sắp đặt. Hộ Thất Sư cũng tùy thời xem xét, đừng để thiếu sót.

Ngày mãn thất, đêm xuống, niệm Phật sáu ngàn câu xong, đợi sau khi ban cuối cùng đã niệm Phật tiếp theo, Chủ Thất Sư như thường lệ gõ khánh; ba ban cùng đứng dậy, nhiều niệm năm trăm câu Phật hiệu. Chủ Thất Sư đứng ở đầu phía Đông bàn Phật, hướng về phía Phật, gõ một tiếng chuông gia trì, đại chúng cùng hướng về Phật.

Đánh đến tiếng chuông thứ ba thì chuông trống cùng trời, đánh mõ lớn, quỳ niệm Quán Âm, Thế Chí, Đại Hải Chúng, mỗi danh hiệu mười lần như khóa tụng kinh tối thường lệ, tụng bài Tiểu Tịnh Độ Hội Hương Văn, lễ Phật mười hai lạy, Bồ Tát ba lạy, tam tự quy xong, liền đánh một tiếng chuông gia trì, đại chúng quay mặt hướng về lối đi chính giữa. Thất Chủ Sư đến chính giữa phương dưới, triển cụ (21), lễ Phật, trường quỳ. Đại chúng niệm: “Nam Mô Đại Thừa Thường Trụ Tam Bảo”. Vị Hộ Thất Sư tuyên sớ xong bèn đánh mõ nhỏ tụng chú Vãng Sanh để hóa sớ, chẳng nệ là bao nhiêu biến.

Tụng chú xong, niệm kệ phát nguyện, bái xá, trở về trước Phật, đại chúng cùng triển cụ, lễ ba lễ, xếp ngọa cụ lại, bái xá. Khánh đánh lên, dẫn đại chúng ra khỏi Phật đường, đến thất của vị Chủ Thất Sư lễ tạ. Chủ Thất Sư cùng đại chúng đến chỗ Hộ Thất Sư và chỗ các vị chức sự, đi vòng quanh liêu tạ từ xong, rồi trở lại Phật đường nhiều lễ. Đây là xong một kỳ kết thất.

* **Phạt lệ** (quy định xử phạt)

Trị phạt có ba cấp độ: Bậc thượng phạt tiền một trăm đồng, bậc trung phạt năm mươi đồng, bậc hạ phạt mười đồng. Chẳng cần biết là tiền mắc rẻ, cứ chuẩn theo đây làm mức. Trong Phật đường treo một tấm biển, đặt một bộ bút nghiên. Có kẻ nào đáng phạt, vị Giám Trục Sư sẽ viết lên tấm biển đó. Viết xong cầm đưa cho người phạm lỗi biết. Kết thất xong, kết toán ông kia bà nọ bị phạt bao nhiêu tiền để kẻ đó mua hương cúng Phật hoặc phóng sanh. Nếu ai không có tiền thì phạt trì chú Vãng Sanh, cứ mười biến chú ứng với một đồng.

Trong các lệ cấm, điều thứ nhất là chẳng được trò chuyện. Chẳng luận là trong Phật đường hay ngoài Phật đường, trước lúc bắt đầu niệm Phật hay đã niệm Phật xong, chỉ cần phạm một lần là phạt tội bậc thượng, phạm ba lần phải rời khỏi nơi kết thất. Nếu có việc bắt đắc dĩ phải nói thì ngậm thưa với Hộ Thất Sư một hai câu rồi thôi. Nếu nói nhiều hoặc nói lớn tiếng cũng bị phạt như thế.

Nếu cần bỏ bớt, mặc thêm áo v.v... thì tự rời chỗ, làm xong mau trở lại. Nếu mượn chuyện bên ngoài để lẩn tránh thì phạt tội bậc hạ. Nếu tự lên vào liêu xá để ngồi, hay nằm chốc lát thì phạt một tội bậc thượng.

Có việc muốn ra khỏi Phật đường thì phải người này ra, người kia vào. Nếu người trước chưa trở lại, phải đợi một chút. Nếu có việc gấp rút thì hai người cùng đi ra cũng được. Nếu trong số bốn người, hai người đã đi ra mà người thứ ba cũng theo ra luôn thì phạt một tội bậc hạ. Người đến sau ngồi ghép vào các ban thì chẳng tính.

Đi nhiều chưa xong thì chẳng được vượt ban ra ngoài. Phải đợi đến lúc ban mình trở về chỗ ngồi yên ổn rồi mới được rút lui. Nếu bỏ ban đi ra thì dù là Tăng hay tục cùng bị phạt một tội bậc trung.

Thượng ban nhiều Phật gần xong, hạ ban chẳng được rời khỏi vị trí. Nếu ra khỏi Phật đường không đúng lúc đến nỗi ban mình đến phiên chẳng vào thì phạt một tội bậc trung. Tăng hay tục được ghép theo ban trong lúc đi nhiều, nếu chẳng phải là người cao tuổi có bệnh đã bẩm bạch [với Hộ Thất Sư] từ trước, cứ tự tiện đứng ngồi thì phạt một tội bậc hạ.

Như lúc an tọa, nếu do tánh không ngồi yên được bèn nhập lẫn vào ban khác để nhiều niệm thì phạt một tội bậc trung. Ra vào nhiều lần thì phạt một tội bậc hạ, trừ người có bệnh.

Lúc ra khỏi ban, trở về chỗ ngồi và lúc ra khỏi Phật đường, vào Phật đường đều phải oai nghi, thông thả trật tự, nếu rảo bước gấp gáp thì phạt một tội bậc hạ. Trong Phật đường đi đứng ngược chiều gây trở ngại cho đại chúng thì phạt một tội bậc hạ.

Xông xáo vượt ban ra vào thì phạt một tội bậc hạ.

Nhằm lúc Hương Đăng Sư không có mặt trong Phật đường mà đèn lụn, hương hết thì bốn vị ngồi đầu hay cuối trong hai ban tả hữu hoặc chúng ngồi phía sau có thể tạm đứng dậy làm thay. Nhưng Tăng hay Tục đang đi nhiều chẳng được cắt bắc đèn, thấp thêm hương gây trở ngại cho người đi phía sau. [Nếu phạm] phạt một tội bậc hạ.

Tăng tục trong ba ban, nếu có ai chẳng khéo niệm theo nhịp mõ thì lúc ban mình đi nhiều hãy niệm thầm hoặc niệm nhỏ tiếng. Nếu niệm lớn tiếng loạn chúng thì phạm một tội bậc hạ. Hộ Thất Sư nên dẫn người ấy ra chỗ khác ngâm bảo cho biết.

Đêm xuống, sau khi dứt tiếng niệm Phật, nên theo chúng nghỉ yên. Nếu còn lễ Phật, trì tụng làm các công hạnh khác thì phạt một tội bậc trung. Hương Đăng Sư nên khuyên người ấy thôi đi. Nếu kẻ ấy không nghe bèn báo với Giám Trực Sư ghi phạt.

Đến giờ ăn đi xuống trai đường, nếu hai ban đi theo ban chính lẫn lộn thứ tự thì hai vị trưởng ban mỗi người bị phạt một tội bậc trung.

Ở trai đường ăn xong nếu đứng dậy tháo lui [không chờ ai] thì phạt một tội bậc hạ.

Định giờ ngủ sai lầm đến nỗi sau khi vào Phật đường, ba ban chưa xoay phiên hết một lượt mà trời đã sáng thì phạt Hương Đăng Sư một tội bậc hạ. Vừa vào Phật đường, trời đã sáng ngay, phạt một tội bậc thượng. Nếu ngủ mê định giờ hương cháy sai, thức chúng quá sớm đến nỗi đại chúng mệt nhọc thì phạt một tội bậc trung.

Giám Trực Sư tùy thời, tùy chỗ siêng năng giám sát, đúng cách thức ghi chép tội. Nếu ai phạm tội nhiều lần mà chẳng biết hoặc tuy biết vẫn chẳng ghi thì bị phạt giống như người phạm lỗi.

Các đồng thất sư, hộ thất sư trước khi khởi thất phải thông thuộc quy thức này. Tiếp đó, đem điều lệ phạt tội này sao ra, dán trước nhà khách. Có kẻ tăng, người tục nào đến sau hãy bảo họ xem kỹ điều ước rồi mới đưa vào Phật đường. Nếu kẻ nào chẳng hiểu văn nghĩa thì nên thuật tóm tắt cho kẻ ấy hiểu. Nếu vội vàng đưa kẻ ấy vào khiến kẻ ấy mơ mơ hồ hồ liên phạm điều ước thì Hộ Thất Sư bị phạt một tội bậc hạ.

Ba mức phạt này tính gộp lại có hai mươi ba điều, nay ghi rõ cách thức trừng phạt như sau:

Phạm tội cấm nói: một tội bậc thượng.

Nói nhiều: một tội bậc thượng.

Nói lớn tiếng: một tội bậc thượng.

Tự tiện bỏ vào liêu xá năm, ngồi: một tội bậc thượng.

Định giờ ngủ sai lạc: một tội bậc thượng.

Vượt ban ra khỏi Phật đường: một tội bậc trung.

Ra khỏi Phật đường không đúng thời: một tội bậc trung.

Loạn ban nhiều niệm: một tội bậc trung.

Đêm xuống, thực hành công hạnh khác: một tội bậc trung.

Đi theo ban không đúng thứ tự: một tội bậc trung.

Mượn có để ra ngoài quá lâu: một tội bậc hạ.

Nói gót nhau bỏ ra khỏi Phật đường: một tội bậc hạ.

Đến phiên ban mình vẫn ngồi hay đứng yên: một tội bậc hạ.

Ra vào nhiều lần: một tội bậc hạ.

Hành động gấp rút: một tội bậc hạ.

Nhiều ngược chiều ngáng trở đại chúng: một tội bậc hạ.

Xông qua các ban ra vào: một tội bậc hạ.

Đứng chững lại [trong khi nhiều niệm] gây trở ngại người phía sau: một tội bậc hạ.

Niệm lớn tiếng loạn chúng: một tội bậc hạ.

Ăn xong đứng dậy trước: một tội bậc hạ.

Vội vã đưa người vào Phật đường: một tội bậc hạ.

Những điều lệ như trên bắt buộc phải tuân hành là vì muốn ngăn ngừa phóng dật, giúp thành trợ hạnh, chứ chẳng phải vì ưa bày vẽ rắc rối. Hành giả nên nghĩ rằng: Một đời sao nhãng, nay chỉ tinh tấn trong bảy ngày, ai nấy phải khẩn thiết dốc sức mạnh mẽ, chẳng tiếc thân mạng, chẳng luận đi đứng nằm ngồi, uống ăn, tiêu tiểu, một câu hồng danh như hơi thở chẳng đoạn, chẳng thể ngưng dứt phút chốc, xen tạp trong chốc lát. Đã muốn nhất tâm bất loạn thì thật chẳng phải là tầm thường, phải nên niệm Phật như thế, hãy suy nghĩ mà gắng lên.

* Sớ Văn

(trên bao sớ đề:

Niệm Phật Thất Hồi Hương Phát Nguyện Sớ.

Thừa Giáo Tu Tịnh Chủ Thất Sa Môn... cụ giam.

(Sớ phát nguyện hồi hương của Niệm Phật thất.

Vâng theo giáo pháp tu hành tịnh nghiệp, sa môn chủ thất tên là.... kính phong)

Nép trông:

Nhất tâm viên tịnh thì ngũ trực chẳng lia quê nhà Thanh Thái, hoành siêu ba cõi.

Dầu lên chín phẩm, há nào cách biệt địa vị tâm thường, dung hợp tam muội vương thù thắng nơi biển chân tánh.

Dùng miệng chuyên Đệ Nhất Nghĩa Đệ, hoằng đạo bởi tại người, Phật tùy cơ cảm ứng.

Nước Đại Thanh (22), tỉnh..., huyện... chùa... bật-sô... ngày hôm nay tám gôi, dốc lòng thành, dập đầu quy mạng Sa Bà Giáo Chủ Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Văn Phật, Cực Lạc thế giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, hết thầy thánh hiền đồng ban từ bi, rủ lòng chứng giám.

Xót nghĩ đệ tử.... cùng hiện tiền chúng sanh, sanh nhằm Kiếp Trược, báo thuộc thân phàm. Ba nghiệp, sáu căn không tội nào chẳng tạo. Năm đường tám nạn không khổ nào đã chẳng nếm qua. Ám thức lưu truyền, chưa hề giác ngộ. Sanh tử mênh mông, bao giờ giải thoát? May nhờ chút túc căn, chút nhân nhỏ bé, được sanh chánh tín, sớm nhập Di Đà nguyện hải, chuyên tu pháp môn Tịnh Độ, nguyện cõi báu gá hồn, hoa luân gởi tướng. Bởi thế, nương kinh lập pháp thức, chuẩn thánh giáo sùng tu.

Kính bạch: nay là ngày... tháng... bắt đầu kiến lập đạo tràng tinh tấn niệm Phật. Trong suốt bảy ngày nghiêm sức điện đường, chia ban rành rẽ, chấp trì thánh hiệu trọn chẳng trái nghịch, tâm gìn hồng danh chẳng lia khoảnh khắc. Dem công đức này hồi hướng vãng sanh, xin nguyện A Di Đà Phật từ bi nhiếp thọ, nguyện các thánh chúng rủ lòng đích thân tiếp dẫn khiến cho các căn tịch tĩnh, chánh niệm rõ ràng; cảnh Tu Ma (23) hiện ngay trước mắt, hoa kim sắc nở bùng, xả báo như kinh đã dạy, nguyện ắt chẳng hư.

Lại nguyện nhờ công đức tinh tấn trong bảy ngày đây khiến cho khắp các đại chúng dứt bảy chi ác, diệt bảy tội ngăn che, trừ bảy mạn chướng, lia bảy uế hạnh, dạo ao bảy báu, rải hoa thất tịnh, đủ bảy trí biện tài, diễn bảy phần Bồ Đề, siêu việt bảy địa vị phương tiện, chứng bảy quả Thường Trụ.

Lại nguyện do công đức sanh khởi bởi ba ban tịnh lữ, mười hai tăng-già hòa hợp tu trì khiến cho khắp đại chúng tuyệt ba ác đạo, chuyển ba trọng chướng, tịnh tam tụ giới, trải khắp địa vị trong ba thừa, vượt xa khỏi tam giới, cao bước đứng đầu ba bậc, thâm nhập ba môn giải thoát, viên phát ba Như Lai Tạng.

Lại nguyện mọi người khi đã thành Phật, ngồi dưới đạo thọ, tư duy hai mươi một ngày, vì các chúng sanh nói pháp Tam Thừa, ba lượt chuyển pháp luân Tứ Đế, Thập Nhị Hành, rộng thuyết pháp môn “mười hai chi nhân duyên ba đời, lưu chuyển hoàn diệt, thuận nghịch”, rớt ráo cùng vào biển Tát-Bà-Nhã.

Lại nguyện trong bảy ngày này dù tăng hay tục, dẫu xa hay gần, dù lâu hay mau, dù đến hay đi, cho đến những ai ra sức, đổ công, thấy nghe tùy hỷ đều thoát khổ luân, đều sanh Cực Lạc, cùng thấy tướng bạch hào [vĩ đại như] Tu Di, cùng chiêm ngưỡng Pháp Giới Tạng Thân.

Lại nguyện đại chúng đã được vãng sanh An Dưỡng, thân cận Di Đà... cho đến hết thầy Như Lai đều được thừa sự, hết thầy cõi Phật đều qua trang nghiêm, hết thầy bạn lành thầy

đều tùy thuận, hết thầy pháp môn thầy đều thông đạt, hết thầy chúng sanh đều được độ thoát, hết thầy hạnh nguyện thầy được viên thành. Hư không dù tận, nguyện con vô cùng.

Ngưỡng nguyện Tam Bảo chứng tri, khiến cho chúng con được mãn sở nguyện, mãn Bồ Đề nguyện.

Phụ Lục:
Bài ký về kỳ niệm Phật bảy ngày ở viện Phổ Nhân

Kim Thiện soạn

Mùa Xuân năm Đinh Tỵ, nhằm thánh đản Đại Sĩ, tại thiền viện Phổ Nhân phía Bắc núi Ngu, phỏng theo lời dạy trong kinh Di Đà, áp dụng quy cách mới để mở niệm Phật thất, bèn nhóm tịnh chúng, chẳng phân biệt là Tăng hay Tục.

Chủ thất là Phổ Nhân đại sư hiệu Triệt Lưu đạo nhân. Ngoại hộ sư là thầy Thân Diệp và thầy Cổ Nạp. Các vị tăng hữu đồng hạnh có các vị Việt Hải, Tại Nhân, Huệ Như, Trạm Nguyệt, Từ Hoàng, Hải Mục, Đức Dung, Việt Chi, Thượng Pháp, Tái Ứng, Khả Tôn... Những vị ở xa nghe mở pháp hội vượt sông tìm đến Ngu Sơn có hai vị Tăng là Minh Cốc và Định Huệ. Hàng cư sĩ có các vị Uông Lữ Tâm, Ông Phụng Nhụy, Cổ Công Thần, Kim Thủy Nhược, Trần Thiên Khoảnh, Triệu Tồn Hồ, Ông Tử Dư, Ông Khang Thành, Trầm Đản Tiên, Hạ Tử Di. Do niệm Phật là đường tắt để vãng sanh, Quán Âm là đạo sư Tây phương nên chọn lấy ngày mười chín tháng Hai [để mở thất].

Về pháp tắc thì chọn lấy mười hai vị tăng chia làm ba ban, mỗi ban bốn người. Mỗi vị đều có nhiệm vụ, ngoài mười hai người ấy, dù Tăng hay tục nhiều ít cũng chia thành ba ban ghép theo sau. Cứ một ban nhiều niệm thì hai hai ban kia ngồi yên. Đến giờ ăn xuống trai đường ngồi theo thứ tự chẳng dám lẫn lộn. [Đại chúng] ngồi yên rồi, tiếng niệm Phật tạm ngưng, tiểu sa-di đánh mộc bản niệm Phật tiếp theo khiến cho một câu hồng danh chẳng dứt nơi tâm và miệng. Trong đêm, chia giờ tạm ngủ, nghe tiếng chuông giống bèn cùng thức dậy. Phàm những ai đi nhiều ngược chiều: phạt! Vượt vị trí: phạt! Nói chuyện: phạt gấp bội. Nghiêm như quân lệnh vậy.

Ngày hôm ấy mấy người như các vị Uông Lữ Tam v.v... đi trước, tôi theo sau, nghe trong Phật đường tiếng niệm Phật sang sảng. Hộ Thất Sư dẫn tôi vào, chỉ cho phép lễ Phật, chẳng được chào hỏi đại chúng, sư liền ghép tôi vào ban, đi kinh hành xong liền lui ra ngồi một phía, hoặc niệm Phật hiệu nhưng chỉ khẽ động môi răng, hoặc nhắm mắt tịnh lự lắng nghe, tâm duyên theo Phật hiệu. Những người khác đến sau cũng theo lệ ấy.

Có lúc, tiếng niệm Phật hòa hoãn du dương như một hơi thở ra vào liền lạc chẳng đoạn. Có lúc tiếng niệm Phật rộn ràng, lại có lúc như mãnh tướng truy bức địch quân, chưa tận diệt bèn chẳng ngưng khiến cho tạp vọng không cách nào xen vào, lũ ma không nẻo chen chân. Ngay cả lúc gió mưa mù mịt, các tiếng vang rền, chẳng biết đến đâu non sương phủ, điện vũ mây trùm; hay lúc trời quang, khí rạng, gió lửa thông reo xào xạc, nước khe tuôn róc rách, không tiếng nào chẳng tương ứng tiếng niệm Phật, khác nào tiếng suối xướng niệm trong veo.

Lửa đèn còn sáng, tia bình minh vừa lộ dạng, khói hương vờn quanh niệm Phật buổi mai. Bóng núi vừa thẫm, rừng khe vừa sụp tối, tiếng trùng im vắng, phạm âm riêng trời niệm Phật chiều hôm. Có kẻ tâm tình vui sướng, chẳng nhiễm mảy trần, chỉ còn bốn chữ, thật sự đạt

nhất tâm bất loạn. Có kẻ quắc thước, phấn phát tinh thần, tâm rong ruổi hầu như muốn bật. Kỳ kết thất này dấu chưa thể nhất tâm bất loạn, nhưng tín nguyện đã vững vàng.

Mừng gặp duyên thù thắng, [ngờ đâu] việc trần bức bách, ma chướng đa đoan, vừa mới nhập ban đã phải rời chỗ. Thở than hối hận, chẳng thể dự trọn bảy ngày niệm Phật. Thầy tôi phương tiện độ sanh, từ bi răn dạy chân thành thiết tha, ai nấy tin Tây phương đến được, có ngày ắt được theo về. Biết hồng hiệu (24) khó thể nghĩ bàn, vì xưng dương cảm động lệ ứa.

Than ôi! Lửa đá, sáng chớp (25), người sống trăm năm khác nào bảy bữa! Dem bảy bữa dâng cho trần lụy, bao giờ trần lụy mới xong? Dem bảy hôm mong cầu Tịnh Độ, ắt hẳn Tịnh Độ có ngày. Huống hồ trăm năm so với bảy bữa ắt nhiều hơn lắm, nhưng trong sát-na sanh sang đời khác lại nhiều hơn nữa! Không hiếm người biết trăm năm khó cầu, nhưng chẳng ai biết bảy ngày này khó phen gặp gỡ! Lại chỉ biết luống uổng trăm năm, nào có biết bảy ngày bỏ phí. Buồn thay!

Phụ Ký:

Sau khi Triệt Lưu đại sư chùa Phổ Nhân ở Thường Thục quy Tây, có người con trưởng của Tôn Trọng Nguyên Phù Tang tiên sinh là Hàn Thân bị âm phủ bắt đi. Ông ta chết đi một ngày một đêm bèn sống lại bảo: “Tôi bị trói đất đến dưới điện vua Diêm La. Trong lúc tối đen chợt thấy sáng lò. Hoa trời, hương trời phủ kín hư không, Diêm quân phục xuống đất đón Tây Quy đại sư. Tôi nhận ra ngài là đại sư Triệt Lưu. Tôi nhờ quang minh của Ngài chiếu đến bèn được thả về”. Cùng ngày ấy có người họ Ngô ở Nam Quan bị bệnh chết, qua đêm sống lại, thuật lại sự việc giống như họ Tôn.

Thường Thục Thúc Nguyên Bảo Lâm Thị ghi vào ngày Rằm tháng Giêng năm Khang Hy thứ ba mươi sáu (1697).

Tịnh Độ Cảnh Ngữ hết

(dịch xong ngày 21 tháng 04 năm 2004)

- (1) Lý tánh tức Phật: là một khái niệm trong giáo nghĩa “Lục tức Phật” của tông Thiên Thai. Lý tánh tức Phật nghĩa là ai cũng có khả năng thành Phật, tức là Như Lai Tạng Tánh ai cũng có cả.
- (2) Tông tượng: các vị đại sư có khả năng giáo hóa rộng lớn trong các tông, đào tạo được các đồ đệ tài giỏi nên được ví như thợ khéo (tượng) có khả năng chế ra những vật dụng tinh xảo.
- (3) Đồng hồ sen (liên lậu): xưa dùng bình đồng, trên thân bình có khắc vạch định giờ và đáy khoan lỗ, nước từ từ rỉ ra, mực nước ngang đến vạch nào thì biết là giờ ấy. Vì thế, gọi là “lậu” (rỉ chảy), hoặc “đồng hồ”. Liên lậu là một loại đồng hồ do liên xã Lô Sơn chế ra, có hình hoa sen thả trên mặt nước. Nhìn nước ngập đến đâu sẽ biết giờ mà tụng niệm.
- (4) Ngụ ý: mặt trời, mặt trăng, núi sông xưa nay vẫn giống nhau, ta thua kém gì người xưa!
- (5) Sát chủng: tức là thế giới chúng. Xin xem chương VII, tiết II - “Các thế giới” sách Phật Học Tinh Yếu cuốn II của Hòa Thượng Thích Thiên Tâm.
- (6) Lạc-xoa (laksa): 100 ngàn.

(7) Khuê bích: còn gọi là ngọc khuê. Khuê là một dụng cụ dùng để tế lễ tạ bằng ngọc thời cổ, trên nhọn dưới vuông. Về sau, các thứ ngọc quý dùng trong tế lễ hay triều cống đều gọi là “khuê” cả. Vì thế, sau này những gì quý báu, phẩm hạnh tốt đẹp đều ví với khuê bích.

(8) Trầm độc: người Trung Hoa thời cổ tin có một loại chim rất độc tên là Trầm (còn đọc là Chậm), lông nó rớt xuống nước cá liền chết tươi.

(9) Đồng đường tăng tục (đồng đường truy tổ): “Truy” là màu sẫm, màu đen, chỉ cho tăng sĩ (vì tăng sĩ thường mặc áo màu nâu, màu đen), “bach” chỉ cho người tại gia. “Đồng đường truy tổ” là tiếng chỉ tất cả tăng lẫn tục cùng tham dự trong kỳ Phật thất.

(10) Cửu Thứ Đệ (navànupùrva samàpattayah): gọi đủ là Cửu Thứ Đệ Định tức là chín pháp thiền định tu hành theo thứ tự không gián đoạn, gồm: Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền, Không Xứ, Thức Xứ, Vô Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Tưởng và Diệt Thọ Tưởng.

(11) Nguyên văn là “tháo cô tróc bút”. Cô là một dụng cụ bằng gỗ để làm mẫu nhằm viết cho ngay hàng. Vì thế, sau này mỗi khi soạn giấy bút để làm văn thường gọi là “tháo cô”. “Tróc bút” là cầm bút để viết lách, sáng tác.

(12) Thanh Thái: tên khác của cỏi Cực Lạc (theo kinh Cổ Âm Thanh Vương Đà Ra Ni). “Thượng bang” là cỏi nước tốt đẹp, cao quý.

(13) Tường lân thụy phượng: lân và phượng là hai con vật tượng trưng cho điềm lành quý (tường thụy) nên những nhân vật tư cách cao quý, đức hạnh tốt đẹp thường được ví là “tường lân thụy phượng”.

(14) Tứ cú, bách phi: “Tứ cú” là có, không, vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không. “Bách phi” là tiếng phiếm chỉ phủ định tất cả. Nói “tứ cú bách phi” nhằm chỉ tất cả những gì thuộc trong lý luận nhị nguyên.

(15) Trong kinh Lăng Nghiêm, Phật dạy cỏi này nhĩ căn lanh lợi nhất, nên giáo thể của phương này phải lấy âm thanh làm chính; từ đó pháp “phản quán tự tánh” được ngài Văn Thù Sư Lợi chọn làm pháp viên thông bậc nhất.

(16) Áo đỏ: xưa màu đỏ tượng trưng cho sự cao sang, nên các quan thường được gọi là “áo đỏ”.

(17) Trần sa kiếp: Số kiếp nhiều như cát bụi.

(18) Âm chỉ cỏi Sa Bà. Kinh Pháp Hoa ví cỏi Sa Bà như căn nhà cũ nát thuộc về một người làm chủ.

(19) Tam nhất viên dung: nhất cảnh tam quán (một phép quán có đầy đủ cả ba phép quán: Giả, Không, Trung) và nhất tâm tam đế (một tâm quán niệm gồm đủ cả ba đế: Chân, Tục và Đệ Nhất Nghĩa Đế)

(20) Bang: một loại mõ dài, thường khắc thành hình con cá lớn, treo trên cao để làm hiệu lệnh trong trai đường nhằm báo giờ thọ trai. Đôi khi thay bằng một tấm bản bằng gỗ lớn, khắc hình mây gọi là “vân bản”.

(21) Triển cụ: Tức là mở ngoạ cụ ra, đặt xuống đất, quỳ lên đó. Ngoạ cụ (còn gọi theo âm phạn là Ni-sư-đàn) là một tấm vải hình chữ nhật thường may hai lớp, kích thước đúng theo quy định trong Luật Tạng; xưa dùng để cho các du tăng hành cước trải ngồi. Lễ xong, sẽ xếp đôi lại vắt lên cánh tay trái. Hiện tại, trong các Niệm Phật Thất, ngoại trừ trường hợp vị Hộ Thất cũng là Tăng thì mới áp dụng cách triển cụ này; kỳ dư, việc tuyên số thường do một vị Tăng hoặc cư sĩ làm Duy Na đảm nhiệm nhưng không triển cụ, đại chúng cũng không triển cụ.

(22) Vì Tổ sống dưới triều Thanh, nên viết như thế.

(23) Tu Ma: tức là Tu Ma Đề (sumaddhi) chánh định.

(24) Hồng hiệu: tức hồng danh của Phật

A Di Đà. Danh hiệu Phật có vô lượng công đức, ý nghĩa rộng lớn nên gọi là “hồng danh” hay “hồng hiệu” (hồng là to lớn rộng rãi).

(25) Lửa đá, sáng chớp: Tia lửa xẹt ra do dùng dao chém vào đá, ánh sáng lòe của tia chớp. Hai hình ảnh này thường được dùng để ví những sự vật chỉ xảy ra trong khoảnh khắc, quá ngắn ngủi.